

Bài 4: ĐẶC TRƯNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG XÂY DỰNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM	Trang
1. Đặc trưng của xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	5
1.1. Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh	5
1.2. Do nhân dân làm chủ	5
1.3. Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp	6
1.4. Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc	6
1.5. Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện	7
1.6. Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển	7
1.7. Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo	8
1.8. Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới	8
2. Phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	9
2.1. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường	9
2.2. Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa	10
2.3. Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiên bộ và công bằng xã hội	12
2.4. Đảm bảo vững chắc quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội	13
2.5. Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình,	16

hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế	
2.6. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất	17
2.7. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân	20
2.8. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh	21
Bài 5: PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI, VĂN HÓA, CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM	26
1. Nội dung của chủ trương phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay	26
2. Giải pháp phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay	28
2.1. Nội dung phát triển kinh tế, xã hội	28
2.2. Nội dung phát triển văn hóa, con người	31
Bài 6: TĂNG CƯỜNG QUỐC PHÒNG AN NINH, MỞ RỘNG QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY	34
1. Bối cảnh Việt Nam và quốc tế	34
2. Quan điểm và những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối quốc phòng, an ninh	36
2.1. Quan điểm của Đảng về đường lối quốc phòng, an ninh	36
2.2. Những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối quốc phòng, an ninh	
3. Quan điểm và những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối đối ngoại	43
3.1. Quan điểm của Đảng về đường lối đối ngoại	43

3.2. Những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối đối ngoại	45
Bài 7: XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	50
1. Bản chất và đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam	50
1.1. Bản chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam	50
1.2. Đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam	52
2. Phương hướng, nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam	55
2.1. Phương hướng xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam	55
2.2. Nhiệm vụ và giải pháp xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam	56
Bài 8: PHÁT HUY SỨC MẠNH CỦA KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC TRONG XÂY DỰNG, BẢO VỆ TỔ QUỐC	62
1. Tầm quan trọng của đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc	62
1.1. Cơ sở lý luận của đường lối, chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc	62
1.2. Cơ sở thực tiễn của đường lối, chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc	63
2. Quan điểm và phương hướng của Đảng về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc	64

2.1. Quan điểm của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc	64
2.2. Phương hướng và giải pháp phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc	65
Bài 9: TU DƯỠNG, RÈN LUYỆN ĐỂ TRỞ THÀNH NGƯỜI CÔNG DÂN TỐT, NGƯỜI LAO ĐỘNG TỐT	73
1. Quan niệm về người công dân tốt, người lao động tốt	73
1.1. Người công dân tốt	73
1.2. Người lao động tốt	74
2. Nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt	76
2.1. Phát huy truyền thống yêu nước, trung thành với sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam	76
2.2. Phấn đấu học tập nâng cao năng lực và rèn luyện phẩm chất cá nhân	79

Bài 4: ĐẶC TRƯNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG XÂY DỰNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM

1. Đặc trưng của xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

1.1. Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh

- Đây là đặc trưng tổng quát nhất chi phối các đặc trưng khác, bởi nó thể hiện mục tiêu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Ở nước ta, tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội phải được biểu hiện cụ thể thiết thực, trên cơ sở kế thừa quan điểm Marx-Lênin về mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, đồng thời vận dụng sáng tạo quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh: Chủ nghĩa xã hội là làm sao cho dân giàu, nước mạnh...là công bằng, hợp lý, mọi người đều được hưởng quyền tự do, dân chủ, được sống cuộc đời hạnh phúc...

- Tư tưởng xuyên suốt của cách mạng Việt Nam là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Đối với dân tộc Việt Nam, chỉ có chủ nghĩa xã hội mới bảo đảm cho dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh thật sự. Đây là khát vọng tha thiết của toàn thể nhân dân Việt Nam sau khi đất nước giành được độc lập và thống nhất Tổ quốc.

1.2. Do nhân dân làm chủ

- Tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta đang xây dựng thể hiện ở bản chất ưu việt chính trị của chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa trên cơ sở kế thừa giá trị quan điểm của chủ nghĩa Marx-Lênin sự nghiệp cách mạng là của quần chúng; kế thừa những giá trị trong tư tưởng truyền thống của dân tộc của Chủ tịch Hồ Chí Minh: dân chủ tức là dân là chủ, dân làm chủ.

- Tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội trong đặc trưng vừa nêu còn được thể hiện trong nhận thức của Đảng ta về việc từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa gắn liền với việc bảo đảm tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân (nhân dân là chủ thể của mọi quyền lực).

1.3. Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp

- Đảng ta tiếp tục khẳng định quan điểm: Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và phát triển. Kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân.

- Quan điểm này hoàn toàn nhất quán với đặc trưng trong quan hệ sản xuất của chủ nghĩa xã hội mà chúng ta đang xây dựng là xác lập dần từng bước chế độ công hữu.

- Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội phải dựa trên chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu là một trong những yếu tố đảm bảo định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển nền kinh tế thị trường với nhiều thành phần kinh tế.

1.4. Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc

- Tính ưu việt về tiên tiến của chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta đang xây dựng thể hiện khái quát, nhân văn của văn hóa nhân loại; ở việc giữ gìn bản sắc dân tộc (những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam: chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, truyền thống đoàn kết và nhân ái, ý thức về độc lập, tự do, tự cường dân tộc...).

- Xây dựng một nền văn hóa tiên tiến, mang đậm bản sắc dân tộc đòi hỏi vừa phải tiếp thu những giá trị của tinh hoa văn hóa nhân loại, vừa phải kế thừa, phát triển bản sắc văn hóa của các tộc người Việt Nam, xây dựng một nền văn hóa Việt Nam thống nhất trong đa dạng.

- Sự kết hợp hài hòa những giá trị tiên tiến với những giá trị mang đậm bản sắc dân tộc thể hiện tính ưu việt của CNXH mà nhân dân ta đang xây dựng trên lĩnh vực văn hóa, làm cho văn hóa trở thành sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển.

1.5. Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện

- Tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta đang xây dựng không chỉ được thể hiện trong đặc trưng tổng quát dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, mà còn được thể hiện qua đặc trưng về con người trong xã hội xã hội chủ nghĩa.

- Về phương diện con người, chủ nghĩa xã hội đồng nghĩa với chủ nghĩa nhân văn, nhân đạo: tất cả vì con người, cho con người và phát triển con người toàn diện.

- Cương lĩnh (bổ sung và phát triển) đã xác định hệ giá trị phản ánh nhu cầu, nguyện vọng thiết thực của con người Việt Nam hiện nay là: có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân.

- Tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội thể hiện trong đặc trưng này là quan điểm nhân văn, vì con người, chăm lo xây dựng con người, phát triển toàn diện con người (đức, trí, thể, mỹ) của Đảng và Nhà nước ta.

1.6. Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển

- Đặc trưng này thể hiện tính ưu việt trong chính sách dân tộc, giải quyết đúng các quan hệ dân tộc (theo nghĩa hẹp là quan hệ giữa các tộc người) trong quốc gia đa dân tộc Việt Nam.

- Thực hiện 25 năm đổi mới đất nước đã và đang chứng minh tính ưu việt trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta, chứng minh tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội trong giải quyết các quan hệ dân tộc ở Việt Nam. Nhờ đó đã và đang phát huy truyền thống đại đoàn kết toàn dân tộc, tính đồng thuận trong cộng đồng 54 dân tộc anh em, chống lại âm mưu chia rẽ dân tộc của các thế lực thù địch.

1.7. Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo

- Chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta đang xây dựng thể hiện trong tính ưu việt của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, thực hiện ý chí, quyền lực của nhân dân, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

- Tính ưu việt của một xã hội do nhân dân làm chủ gắn bó mật thiết với tính ưu việt của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Đó là: Nhà nước gắn bó chặt chẽ với nhân dân, thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, tôn trọng, lắng nghe ý kiến của nhân dân và chịu sự giám sát của nhân dân; có cơ chế và biện pháp kiểm soát, ngăn ngừa và trừng trị tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, vô trách nhiệm, lạm quyền, xâm phạm quyền dân chủ của công dân...

1.8. Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới

- Chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta đang xây dựng không chỉ thể hiện tính ưu việt trong các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội mà còn thể hiện trong quan hệ đối ngoại, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta.

- Việt Nam luôn luôn khẳng định quan hệ hữu nghị và hợp tác giữ nhân dân ta và nhân dân các nước trên thế giới. Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế...Đảng và Nhà nước ta chủ trương hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị-xã hội khác nhau trên cơ sở những nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế.

- Việc chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, tham gia tích cực vào các tổ chức, diễn đàn quốc tế và khu vực đã chứng minh một cách sinh động tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta đang xây dựng, thể hiện trong đặc trưng về quan hệ đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta.../.

2. Phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

2.1. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường

- Nghị quyết Đại hội lần thứ X của Đảng đã chỉ rõ: Tranh thủ thời cơ thuận lợi do bối cảnh quốc tế tạo ra và tiềm năng, lợi thế của nước ta để rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa gắn với phát triển kinh tế tri thức, coi kinh tế tri thức là yếu tố quan trọng của nền kinh tế có giá trị gia tăng cao dựa nhiều vào tri thức, kết hợp việc sử dụng nguồn vốn tri thức của người Việt Nam với tri thức mới nhất của nhân loại.

- Như vậy, lý luận và thực tiễn là căn cứ vững chắc để xây dựng đường lối đúng đắn, tranh thủ thời cơ, rút ngắn thời gian công nghiệp hóa, hiện đại hóa sớm đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Theo kinh nghiệm của nhiều nước, phát triển kinh tế tri thức phải tập trung nguồn lực vào bốn hướng chính sau đây:

Thứ nhất, Nhà nước phải xây dựng thể chế xã hội và chính sách kinh tế năng động, rộng mở, khuyến khích sáng tạo và ứng dụng có hiệu quả những tri thức mới. Thúc đẩy kinh doanh, tác động cho nở rộ doanh nghiệp mới làm ăn phát đạt. Phải tạo dựng một nền hành chính có hiệu quả, tránh phiền hà, tham nhũng. Giảm mạnh các chi phí hành chính, góp phần tăng sức cạnh tranh.

Thứ hai, đào tạo nguồn nhân lực tài năng sáng tạo, biết phối hợp và chia sẻ ứng dụng những thông tin, tri thức thành sản phẩm có sức cạnh tranh cao.

Thứ ba, xây dựng một hệ thống đổi mới hiệu quả bao gồm: các doanh nghiệp, các trung tâm nghiên cứu, các trường đại học, các tổ chức tư vấn và các tổ chức khác liên kết, trao đổi thông tin, tri thức với nhau theo những mục tiêu đã xác định. Họ phải thường trực tiếp cận các kho thông tin, tri thức của thế giới được liên tục chất đầy, để tích cực "tiêu hóa" chúng và thích nghi hóa cho các nhu cầu của mình và từ đó sáng tạo ra công nghệ cao mới.

Thứ tư, tích cực xây dựng kết cấu hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông, đẩy mạnh ứng dụng và phát triển ngành công nghệ cao dẫn đầu này. Tạo điều kiện thuận lợi cho việc đánh giá, phổ biến và sáng tạo tri thức.

Bốn hướng trên đây thường được xem như bốn trụ cột xây dựng kinh tế tri thức mà lãnh đạo nhà nước phải chỉ đạo mới có thể thành công.

- Các giải pháp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức:

Vấn đề quan trọng hàng đầu là, chúng ta phải chủ động phát huy năng lực sáng tạo tri thức ở trong nước, đồng thời phải biết tranh thủ cơ hội tiếp thu tri thức của thế giới toàn cầu hóa.

Để công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhanh, nông nghiệp phải gắn kết với phát triển ứng dụng tri thức sáng tạo mới, cụ thể là: phải chuyển giao tri thức về công nghệ sinh học, tri thức về giống cây, con chất lượng và năng suất cao, về canh tác và chăn nuôi hiện đại cho nông dân. Đồng thời phải cung cấp tri thức về tổ chức sản xuất gắn với thị trường và về xây dựng nông thôn mới và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông trong mọi hoạt động hiện đại hóa nông nghiệp.

Trong công nghiệp và xây dựng thì công nghiệp hóa, hiện đại hóa sẽ gắn kết thuận lợi với phát triển kinh tế tri thức vì công nghiệp trong kinh tế thị trường là rất hiện đại dựa vào các công nghệ cao.

2.2. Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

- Đảng ta đã xác định kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế tổng quát trong suốt thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường đồng bộ và hiện đại là tiền đề quan trọng thúc đẩy quá trình cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, ổn định kinh tế vĩ mô.

- Nền kinh tế thị trường hiện đại ngày nay còn mang một số đặc trưng mới. Đó là:

Thứ nhất, nền kinh tế thị trường hiện đại phải dựa trên nền tảng sở hữu hỗn hợp của các chủ thể thị trường

Thứ hai, nền kinh tế thị trường hiện đại phải dựa trên những thành tựu của khoa học, công nghệ hiện đại và kinh tế tri thức - một trong những nhân tố quyết định trực tiếp đến sự giàu mạnh, văn minh của mọi quốc gia.

Thứ ba, nền kinh tế thị trường hiện đại phải có cơ cấu, trong đó những lĩnh vực sau phải hiện đại, đó là: công nghiệp - thị trường, hệ thống kết cấu hạ tầng, các ngành dịch vụ cao cấp (đặc biệt là dịch vụ tài chính và ngân hàng). Ngoài ra, nông nghiệp và nông thôn về cơ bản phải được phát triển trên nền tảng công nghiệp và thị trường hiện đại; kinh tế tiền tệ và kinh doanh tiền tệ là phổ biến, được vận hành bởi thể chế tiền tệ hiện đại với sự độc lập của Ngân hàng Trung ương; doanh nghiệp cổ phần có chế độ quản trị hiện đại.

Thứ tư, nền kinh tế thị trường hiện đại dựa trên nguồn nhân lực chất lượng cao, làm chủ được khoa học và công nghệ với trình độ quản lý hiện đại.

Thứ năm, nền kinh tế thị trường hiện đại được vận hành bởi thể chế thị trường, thể chế quản lý nhà nước và chế độ quản trị công ty hiện đại.

Thứ sáu, nền kinh tế thị trường hiện đại phải dựa trên hệ thống an sinh xã hội hiện đại và một hệ thống phúc lợi vì mục tiêu phát triển con người. Hệ thống an sinh xã hội và phúc lợi xã hội này được xây dựng bằng sự đóng góp của chủ doanh nghiệp, người lao động, nhà nước và các tổ chức xã hội dân sự nhằm hỗ trợ người lao động, đặc biệt là người nghèo trước những biến động và rủi ro của thị trường do tác động ngày càng lớn của toàn cầu hóa và biến đổi khí hậu.

Những thành tựu trong gần 30 năm đổi mới đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đã chứng minh nền kinh tế thị trường ở nước ta từng bước được xây dựng, phát triển và về cơ bản đang được vận hành có hiệu quả, đóng góp ngày càng nhiều vào quá trình phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, từng bước thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công

bằng, văn minh, do nhân dân làm chủ”. Vì vậy, cần tiếp tục có những đột phá mới về tư duy lý luận để giải quyết những vướng mắc từ thực tiễn phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

2.2.3. Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội

- Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được thông qua tại Đại hội lần thứ VII (6-1991) đã xác định nền văn hóa tiên tiến và đậm đà bản sắc dân tộc là một trong sáu đặc trưng cơ bản của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Như vậy, nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc vừa là mục tiêu phấn đấu, vừa là một nhiệm vụ trọng yếu trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

- Tư tưởng về xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc tiếp tục được bổ sung, phát triển đầy đủ và phong phú hơn trong các văn kiện của Đảng sau này. Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII đã chỉ rõ: "*Nền văn hóa mà Đảng ta lãnh đạo toàn dân xây dựng là nền văn hóa tiên tiến và đậm đà bản sắc dân tộc*". Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII đã ra nghị quyết riêng về *xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng tiếp tục khẳng định: "*Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội*"¹.

- Tháng 7-2004, Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương khóa IX đã ra *Kết luận Về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong những năm sắp tới*. Đại hội lần thứ X của Đảng (4-2006) khẳng định: “Tiếp tục phát triển sâu rộng và nâng cao chất lượng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, gắn kết chặt chẽ và đồng bộ hơn với phát triển kinh tế - xã hội, làm cho văn hóa thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội”².

- Để thực hiện năm quan điểm chỉ đạo và mười nhiệm vụ nêu trên, Đảng ta đã xác định *bốn giải pháp lớn* là:

Mở cuộc vận động giáo dục chủ nghĩa yêu nước gắn với thi đua yêu nước và phong trào *Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá*.

Xây dựng, ban hành luật pháp và các chính sách văn hoá.

Tăng cường nguồn lực và phương tiện cho hoạt động văn hoá.

2.4. Đảm bảo vững chắc quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội

2.4.1. Nội dung bảo vệ an ninh quốc gia bao gồm:

- Bảo vệ an ninh chính trị nội bộ. Đó là các hoạt động bảo vệ chế độ chính trị và Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bảo vệ Đảng Cộng sản Việt Nam ; giữ gìn sự trong sạch, vững mạnh về mọi mặt của tổ chức Đảng, Nhà nước ; bảo vệ các cơ quan đại diện, cán bộ, lưu học sinh và người lao động Việt Nam đang công tác, học tập và lao động ở nước ngoài. Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá hệ thống chính trị, gây chia rẽ mất đoàn kết, làm tha hoá đội ngũ cán bộ, đảng viên. Bảo vệ an ninh chính trị nội bộ luôn là nhiệm vụ trọng yếu hàng đầu, thường xuyên và cấp bách của toàn Đảng, toàn dân, của các ngành, các cấp.

- Bảo vệ an ninh kinh tế. Đó là bảo vệ sự ổn định, phát triển vững mạnh của nền kinh tế thị trường nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Chống các biểu hiện chệch hướng và các hoạt động phá hoại cơ sở vật chất - kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội, phá hoại nền kinh tế, gây ảnh hưởng tác hại đến lợi ích của quốc gia.

+ Bảo vệ an ninh văn hoá, tư tưởng. An ninh văn hoá, tư tưởng là sự ổn định và phát triển bền vững của văn hoá, tư tưởng trên nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Bảo vệ an ninh văn hoá, tư tưởng là bảo vệ sự

đúng đắn, vai trò chủ đạo của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong đời sống tinh thần của xã hội.

- Bảo vệ an ninh dân tộc. Đó là bảo vệ quyền bình đẳng giữa các dân tộc, đảm bảo cho tất cả các thành viên trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam cùng phát triển theo đúng Hiến pháp, pháp luật của nhà nước ; ngăn ngừa, phát hiện, đấu tranh với các hoạt động lợi dụng dân tộc ít người để làm việc trái pháp luật, kích động gây chia rẽ giữa các dân tộc, xâm hại đến anqg, trật tự, an toàn xã hội.

- Bảo vệ an ninh tôn giáo. Bảo vệ an ninh tôn giáo là đảm bảo chính sách tự do tín ngưỡng của Đảng và Nhà nước đối với nhân dân nhưng đồng thời cũng kiên quyết đấu tranh với các đối tượng, thế lực lợi dụng vấn đề tôn giáo để chống phá cách mạng. Thực hiện đoàn kết, bình đẳng giúp đỡ nhau cùng phát triển giữa các tôn giáo, giữa cộng đồng dân cư theo tôn giáo với những người không theo tôn giáo, đảm bảo tốt đời đẹp đạo, phụng sự Tổ quốc.

- Bảo vệ an ninh biên giới. Biên giới quốc gia là hàng rào pháp lí ngăn cách chủ quyền quốc gia và không gian hợp tác phát triển với các nước mà trước hết là với các nước láng giềng. Vấn đề bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia đang được Đảng, Nhà nước đặt ra như là một nhiệm vụ chiến lược cực kì quan trọng. Bảo vệ an ninh biên giới là bảo vệ nền an ninh, trật tự của Tổ quốc ở khu vực Biên giới quốc gia, cả trên đất liền và trên biển, chống các hành vi xâm phạm chủ quyền biên giới từ phía nước ngoài, góp phần xây dựng đường biên giới hoà bình, hữu nghị với các nước láng giềng theo tinh thần “giữ vững chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, đặc biệt là vùng biển, đảo”. Chống các thế lực thù địch lợi dụng việc xuất, nhập cảnh, quá cảnh Việt Nam để tiến hành các hoạt động chống phá Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Bảo vệ an ninh thông tin. An ninh thông tin là sự an toàn, nhanh chóng, chính xác và bí mật của thông tin trong quá trình xác lập, chuyển tải, thu nhận, xử lí và lưu giữ tin. Bảo vệ an ninh thông tin là một bộ phận quan trọng của công tác

bảo vệ an ninh quốc gia nhằm chủ động phòng ngừa, phát hiện và đấu tranh có hiệu quả với âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch, bọn tội phạm khác nhằm khai thác, sử dụng hệ thống thông tin liên lạc hoặc tiến hành các hoạt động phá huỷ công trình, phương tiện thông tin liên lạc gây thiệt hại cho an ninh quốc gia của nước ta ; chống lộ lọt những thông tin bí mật của nhà nước ; ngăn chặn các hoạt động khai thác thông tin trái phép, dò tìm mật mã, mật khẩu để đánh cắp thông tin trên mạng...

2.4.2. Nội dung giữ gìn trật tự, an toàn xã hội :

- Đấu tranh phòng, chống tội phạm (trừ các tội xâm phạm an ninh quốc gia và các tội phá hoại hoà bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh).

- Giữ gìn trật tự nơi công cộng. Trật tự công cộng là một mặt của trật tự, an toàn xã hội và có nội dung bao gồm những quy định chung về trật tự, yên tĩnh, vệ sinh, nếp sống văn minh ; sự tuân thủ những quy định của pháp luật và phong tục, tập quán, sinh hoạt được mọi người thừa nhận. Giữ gìn trật tự nơi công cộng chính là giữ gìn trật tự, yên tĩnh chung, giữ gìn vệ sinh chung, duy trì nếp sống văn minh ở những nơi công cộng - nơi diễn ra các hoạt động chung của nhiều người, đảm bảo sự tôn trọng lẫn nhau trong lao động, sinh hoạt, nghỉ ngơi của mọi người.

- Đảm bảo trật tự, an toàn giao thông. Trật tự, an toàn giao thông là trạng thái xã hội có trật tự được hình thành và điều chỉnh bởi các quy phạm pháp luật trong lĩnh vực giao thông, vận tải công cộng mà mọi người phải tuân theo khi tham gia giao thông,.

- Phòng ngừa tai nạn lao động, chống thiên tai, phòng ngừa dịch bệnh. Chú ý phòng ngừa không để xảy ra tai nạn lao động và luôn luôn phòng chống thiên tai dịch bệnh.

- Bài trừ các tệ nạn xã hội. Tệ nạn xã hội là hiện tượng xã hội bao gồm những hành vi sai lệch chuẩn mực xã hội, có tính phổ biến (từ các hành vi vi phạm những nguyên tắc về lối sống, truyền thống văn hoá, đạo đức, trái với thuần phong

mỹ tục, các giá trị xã hội tốt đẹp cho đến các hành vi vi phạm những quy tắc đã được thể chế hoá bằng pháp luật, kể cả pháp luật hình sự) ảnh hưởng xấu về đạo đức và gây hậu quả nghiêm trọng trong đời sống cộng đồng.

- Bảo vệ môi trường. Môi trường có tầm quan trọng đặc biệt đối với đời sống của con người, sinh vật và sự phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội của đất nước, dân tộc và nhân loại. Bảo vệ môi trường là tập hợp những biện pháp giữ cho môi trường trong sạch, sử dụng hoặc phục hồi một cách hợp lý sinh giới (vi sinh vật, thực vật, động vật) và môi sinh (đất, lòng đất, nước, không khí, khí hậu...), đảm bảo sự cân bằng sinh thái... nhằm tạo ra một không gian tối ưu cho cuộc sống của con người.

2.5. Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế

- Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI diễn ra khi đất nước ta bước vào thập niên thứ hai của thế kỷ XXI. Đại hội Đảng đã thông qua 3 văn kiện quan trọng: Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011); Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 2011-2020 và Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng xác định:

- Về nhiệm vụ của công tác đối ngoại, văn kiện Đại hội XI nêu rõ: “Nhiệm vụ của công tác đối ngoại là giữ vững môi trường hòa bình, thuận lợi cho đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; nâng cao vị thế của đất nước; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới”

- Về các nguyên tắc phải tuân thủ khi tiến hành các hoạt động đối ngoại, tái khẳng định các nguyên tắc của đường lối, chính sách đối ngoại thời kỳ Đổi mới, Đại hội XI nêu: “bảo đảm lợi ích quốc gia, giữ vững độc lập, tự chủ, vì hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển”, “tôn trọng các nguyên tắc cơ bản của luật pháp

quốc tế, Hiến chương Liên hợp quốc”. Bên cạnh những nguyên tắc nhất quán này, văn kiện Đại hội XI, phần định hướng giải quyết các vấn đề còn tồn tại về biên giới, lãnh thổ, ranh giới trên biển và thềm lục địa với các nước liên quan, nêu thêm nguyên tắc giải quyết các vấn đề tồn tại trên cơ sở các “nguyên tắc ứng xử của khu vực”.

- Về phương châm của đường lối đối ngoại, các văn kiện của Đại hội khẳng định: thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế. Điểm mới trong phương châm đối ngoại của Đại hội XI là “hội nhập quốc tế” và “thành viên có trách nhiệm”.

- Về hội nhập quốc tế, Đại hội XI chuyển từ chủ trương “chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực khác” được thông qua tại Đại hội X sang “chủ động và tích cực hội nhập quốc tế”. Với chủ trương này, hội nhập quốc tế không còn bó hẹp trong lĩnh vực kinh tế mà mở rộng ra tất cả các lĩnh vực khác, kể cả chính trị, quốc phòng, an ninh và văn hóa-xã hội....

- Về định hướng đối ngoại, Đại hội chỉ rõ: “Tiếp tục mở rộng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh”, “Tham gia các cơ chế hợp tác chính trị, an ninh, song phương và đa phương vì lợi ích quốc gia và trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, Hiến chương Liên hợp quốc”. Với định hướng này, đối ngoại quốc phòng, an ninh sẽ tiếp tục phát triển và có vai trò ngày càng quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, phù hợp với bối cảnh nước ta ngày càng hội nhập sâu rộng vào khu vực và thế giới.

2.6. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất

Đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam, là động lực và nguồn lực to lớn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Để phát huy sức mạnh toàn dân tộc trong giai đoạn hiện nay, cần thực hiện một số giải pháp sau:

- Tiếp tục thể chế hoá và cụ thể hoá các quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc; hoàn thiện và thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách phát huy vai trò của nhân dân trong việc quyết định những vấn đề lớn của đất nước.

- Đại đoàn kết toàn dân tộc phải dựa trên cơ sở giải quyết hài hoà quan hệ lợi ích giữa các thành viên trong xã hội; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, bảo đảm mỗi người dân đều được thụ hưởng những thành quả của công cuộc đổi mới.

- Quan tâm giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển *giai cấp công nhân* cả về số lượng và chất lượng; nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động của công nhân; sửa đổi, bổ sung các chính sách, pháp luật về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp,... để bảo vệ quyền lợi, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của công nhân.

- Xây dựng, phát huy vai trò của *giai cấp nông dân*, chủ thể của quá trình phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới. Hỗ trợ, khuyến khích nông dân học nghề, chuyển dịch cơ cấu lao động, tiếp nhận và ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, tạo điều kiện thuận lợi để nông dân chuyển sang làm công nghiệp và dịch vụ.

- Xây dựng *đội ngũ trí thức* ngày càng lớn mạnh, có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước. Tôn trọng và phát huy tự do tư tưởng trong hoạt động

ngiên cứu, sáng tạo. Trọng dụng trí thức trên cơ sở đánh giá đúng phẩm chất, năng lực và kết quả cống hiến.

- Xây dựng, phát triển *đội ngũ doanh nhân* lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng, có trình độ quản lý, kinh doanh giỏi, có đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội cao.

- Đổi mới nội dung, phương thức giáo dục chính trị, tư tưởng, lý tưởng, truyền thống, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, lòng yêu nước, xây dựng đạo đức, lối sống lành mạnh, ý thức tôn trọng và nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp và pháp luật cho *thế hệ trẻ*.

- Nâng cao trình độ mọi mặt và đời sống vật chất, tinh thần của *phụ nữ*; thực hiện tốt bình đẳng giới, tạo điều kiện cho phụ nữ phát triển tài năng.

- Đảng, Nhà nước có cơ chế, chính sách tạo điều kiện, đồng thời động viên *cựu chiến binh* tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa, giúp nhau làm kinh tế, cải thiện đời sống, tích cực tham gia giáo dục lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa anh hùng cách mạng cho thế hệ trẻ.

- Quan tâm chăm sóc sức khoẻ, tạo điều kiện để *người cao tuổi* hưởng thụ văn hoá, tiếp cận thông tin, sống vui, sống khoẻ, sống hạnh phúc.

- Đoàn kết *các dân tộc* có vị trí chiến lược trong sự nghiệp cách mạng của nước ta. Tiếp tục hoàn thiện các cơ chế, chính sách, bảo đảm các dân tộc bình đẳng, tôn trọng, đoàn kết, giải quyết hài hoà quan hệ giữa các dân tộc, giúp nhau cùng phát triển, tạo chuyển biến rõ rệt trong phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là các vùng Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ, Tây duyên hải miền Trung.

- Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về *tín ngưỡng, tôn giáo*, phát huy những giá trị văn hoá, đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo. Quan tâm và tạo điều kiện cho các tổ chức tôn giáo sinh hoạt theo hiến chương, điều lệ của tổ chức tôn giáo

đã được Nhà nước công nhận, theo quy định của pháp luật, đóng góp tích cực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

- Nhà nước hoàn thiện cơ chế, chính sách để hỗ trợ, giúp đỡ *đồng bào định cư ở nước ngoài* ổn định cuộc sống, phát triển kinh tế, góp phần tăng cường hợp tác, hữu nghị giữa nhân dân ta với nhân dân các nước.

- Tiếp tục tăng cường củng cố tổ chức, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của *Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân*.

2.7. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân

- Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam vừa có một số đặc trưng chung của nhà nước pháp quyền vừa có đặc trưng riêng của nước ta mang đậm tính dân tộc và nhân đạo được thể hiện ở một số điểm sau:

- Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam luôn luôn xác định mục tiêu cao nhất của mình là vì con người;

- Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước mà mọi quyền lực thuộc về nhân dân, nhân dân sử dụng quyền lực nhà nước một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các cơ quan nhà nước do mình trực tiếp bầu ra;

- Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam được tổ chức và hoạt động trên cơ sở *Hiến pháp*, pháp luật và thể hiện địa vị tối cao của *Hiến pháp* và pháp luật trong đời sống xã hội.

- Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước mà ở đó các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp là thống nhất và có sự phân công, phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền đó.

- Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước do một đảng duy nhất lãnh đạo - Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Tuy nhiên, bên cạnh những thành công đã đạt được thì việc xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân trên thực tế vẫn còn nhiều tồn tại, hạn chế và yếu kém:

- Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, sự nỗ lực phấn đấu của các ngành, các cấp với sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và quyết tâm thực hiện của toàn bộ hệ thống chính trị, nhất định chúng ta sẽ xây dựng thành công Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, mang đậm nét dân tộc và nhân đạo thực sự với bao nhiêu "quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân" như Chủ tịch Hồ Chí Minh hằng mong ước.

2.8. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh

2.8.1. Tăng cường xây dựng Đảng về chính trị

- Kiên định chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng sáng tạo và phát triển phù hợp với thực tiễn Việt Nam, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

- Nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ trí tuệ của toàn Đảng và của mỗi cán bộ, đảng viên, trước hết của cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp; không dao động trong bất cứ tình huống nào. Kiên định đường lối đổi mới, chống giáo điều, bảo thủ, trì trệ hoặc chủ quan, nóng vội, đổi mới vô nguyên tắc.

2.8.2. Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tư tưởng, lý luận

- Tăng cường nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, làm sáng tỏ một số vấn đề về đảng cầm quyền, về chủ nghĩa xã hội, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta và những vấn đề mới nảy sinh trong quá trình đổi mới, không ngừng phát triển lý luận, đề ra đường lối và chủ trương đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước; khắc phục một số mặt lạc hậu, yếu kém của công tác nghiên cứu lý luận. Tạo môi trường dân chủ thảo luận, tranh luận khoa học, khuyến khích tìm tòi, sáng tạo, phát huy trí tuệ của cá nhân và tập thể trong nghiên cứu lý luận.

- Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao hơn nữa tính chiến đấu, tính thuyết phục, hiệu quả của công tác tư tưởng, tuyên truyền, học tập chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tuyên truyền, cổ vũ động viên các nhân tố mới, điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt, giáo dục truyền thống yêu nước, cách mạng.

- Kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch. Chủ động phòng ngừa, đấu tranh, phê phán những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ ta; khắc phục sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên. Giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận xã hội. Đổi mới hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn theo hướng thiết thực, hiệu quả.

2.8.3. Rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân

- Việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên, lâu dài của cán bộ, đảng viên, của các chi bộ, tổ chức đảng và các tầng lớp nhân dân.

- Cán bộ, đảng viên phải nâng cao tinh thần trách nhiệm trước Tổ quốc, trước Đảng và nhân dân, hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân.

- Các tổ chức đảng tạo điều kiện để đảng viên công tác, lao động có năng suất, chất lượng, hiệu quả, đóng góp vào sự phát triển chung của đất nước. Đẩy mạnh tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt đảng.

- Triển khai thực hiện tốt Quy chế dân vận trong hệ thống chính trị; đổi mới và nâng cao chất lượng công tác vận động nhân dân. Định kỳ lấy ý kiến nhận xét của nhân dân về tư cách, đạo đức của cán bộ, đảng viên. Xử lý nghiêm mọi cán bộ, đảng viên vi phạm về trách nhiệm, phẩm chất đạo đức, lối sống.

2.8.4. Tiếp tục đổi mới, kiện toàn tổ chức, bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị

- Tiếp tục xác định rõ chức năng, nhiệm vụ và mô hình tổ chức của các tổ chức trong hệ thống chính trị. Kiện toàn, nâng cao chất lượng các cơ quan tham mưu, đội ngũ cán bộ làm công tác tham mưu, nhất là ở cấp chiến lược.

- Phát huy dân chủ trong sinh hoạt đảng, từ sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt cấp uỷ ở cơ sở đến sinh hoạt Ban Bí thư, Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương; đồng thời giữ nghiêm kỷ luật trong Đảng.

- Thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ. Chống quan liêu, bè phái, cục bộ, địa phương, lối làm việc vô nguyên tắc, vi phạm kỷ luật, vi phạm dân chủ.

2.8.5. Kiện toàn tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đảng viên

- Tập trung củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, tạo chuyển biến rõ rệt về chất lượng hoạt động của các loại hình cơ sở đảng, nhất là tổ chức đảng trong các đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế. Kiện toàn tổ chức của hệ thống chính trị, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng ở cơ sở.

- Đổi mới, tăng cường công tác quản lý, phát triển đảng viên, bảo đảm chất lượng đảng viên theo yêu cầu của Điều lệ Đảng. Xây dựng các tiêu chí, yêu cầu cụ thể về tư tưởng chính trị, trình độ năng lực, phẩm chất đạo đức lối sống của đảng viên đáp ứng yêu cầu giai đoạn cách mạng mới; phát huy tính tiên phong gương mẫu, chủ động, sáng tạo của đội ngũ đảng viên trong thực hiện nhiệm vụ được giao. Kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những người không đủ tư cách đảng viên.

2.8.6. Đổi mới công tác cán bộ, coi trọng công tác bảo vệ chính trị nội bộ

- Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ công tác cán bộ. Thực hiện tốt *Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá*; đổi mới tư duy, cách làm, khắc phục những yếu kém trong từng khâu của công tác cán bộ. Xây dựng và thực hiện nghiêm các cơ chế, chính sách phát hiện, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; trọng dụng những người có đức, có tài.

- Nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; khắc phục tình trạng chạy theo bằng cấp. Làm tốt công tác quy hoạch và tạo nguồn cán bộ, chú ý cán bộ trẻ, nữ, dân tộc thiểu số, chuyên gia trên các lĩnh vực; xây dựng quy hoạch cán bộ cấp chiến lược. Đánh giá và sử dụng đúng cán bộ trên cơ sở những tiêu chuẩn, quy trình đã được bổ sung, hoàn thiện, lấy hiệu quả công tác thực tế và sự tín nhiệm của nhân dân làm thước đo chủ yếu. Không bỏ nhiệm cán bộ không đủ đức, đủ tài, cơ hội chủ nghĩa.

- Thực hiện nghiêm quy chế thôi chức, miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý. Kịp thời thay thế cán bộ yếu kém về phẩm chất, năng lực, không hoàn thành nhiệm vụ, uy tín giảm sút.

- Có chế tài xử lý nghiêm những trường hợp chạy chức, chạy quyền, chạy chỗ, chạy tội, chạy tuổi, chạy bằng cấp, chạy huân chương. Thực hiện luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý theo quy hoạch ở các ngành, các cấp; khắc phục tư tưởng cục bộ, khép kín. Tăng cường công tác giáo dục, quản lý cán bộ.

- Chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý các cấp, đội ngũ chuyên gia đầu ngành. Đổi mới, trẻ hoá đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý, kết hợp các độ tuổi, bảo đảm tính liên tục, kế thừa và phát triển.

- Nghiên cứu ban hành và thực hiện tốt chính sách sử dụng và quản lý cán bộ, đảng viên có vấn đề về lịch sử chính trị. Chú trọng nắm và giải quyết vấn đề chính trị hiện nay. Giải quyết dứt điểm những vụ việc tồn đọng.

2.8.7. Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát

- Các cấp uỷ, tổ chức đảng phải nâng cao tinh thần trách nhiệm, thực hiện tốt hơn nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo Điều lệ Đảng.

- Chú trọng kiểm tra, giám sát người đứng đầu tổ chức đảng, nhà nước, mặt trận và các đoàn thể nhân dân các cấp trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao.

- Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng phải phối hợp chặt chẽ với công tác thanh tra của Chính phủ, công tác giám sát của Quốc hội và các cơ quan hành pháp, tư pháp, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân theo đúng chức năng và thẩm quyền của mỗi cơ quan.

- Hoàn thiện quy chế phối hợp giữa ủy ban kiểm tra đảng với các tổ chức đảng và các cơ quan bảo vệ pháp luật trong việc xem xét khiếu nại, tố cáo và xử lý kỷ luật cán bộ, đảng viên.

2.8.8. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng

- Tập trung rà soát, bổ sung, điều chỉnh, ban hành mới, xây dựng đồng bộ hệ thống các quy chế, quy định, quy trình công tác để tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị. Khắc phục tình trạng Đảng bao biện làm thay hoặc buông lỏng lãnh đạo các cơ quan quản lý nhà nước.

- Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, tôn trọng nguyên tắc hiệp thương dân chủ trong tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

- Đổi mới phong cách, lề lối làm việc của các cơ quan lãnh đạo của Đảng từ Trung ương đến địa phương, cơ sở. Thực hiện tốt chế độ lãnh đạo tập thể đi đôi với phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo và trách nhiệm cá nhân, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu. Phát huy vai trò, trách nhiệm của các tổ chức đảng, đảng viên, cấp ủy viên hoạt động trong các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

- Đổi mới cách ra nghị quyết, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện, kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện nghị quyết của Đảng. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong Đảng, khắc phục tình trạng rườm rà, bất hợp lý về thủ tục, giảm bớt giấy tờ, hội họp, sâu sát thực tế, cơ sở; nói đi đôi với làm

Bài 5: PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI, VĂN HÓA, CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM

1. Nội dung của chủ trương phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay

Đại hội XI của Đảng đã tổng kết thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010 và thông qua Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020, tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển nhanh, bền vững; phát huy sức mạnh toàn dân tộc, xây dựng nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Chiến lược đề ra 5 quan điểm phát triển như sau:

1.1. Phát triển nhanh gắn liền với phát triển bền vững, phát triển bền vững là yêu cầu xuyên suốt.

- Phát triển nhanh và bền vững phải luôn gắn chặt với nhau trong quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển kinh tế - xã hội. Để phát triển bền vững về kinh tế, cần giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an ninh kinh tế, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, coi chất lượng, năng suất hiệu quả, sức cạnh tranh là ưu tiên hàng đầu, chú trọng phát triển theo chiều sâu, phát triển kinh tế tri thức.

- Tăng trưởng kinh tế phải kết hợp hài hòa với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; nâng cao không ngừng chất lượng cuộc sống của nhóm dân. Phát triển kinh tế - xã hội phải luôn đi cùng vốn bảo vệ và cải thiện môi trường.

- Đặc biệt quan tâm giữ vững ổn định chính trị - xã hội, tăng cường quốc phòng, an ninh, kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ để bảo đảm cho đất nước phát triển nhanh và bền vững.

1.2. Đổi mới đồng bộ, phù hợp về kinh tế và chính trị vì mục tiêu xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

- Kiên trì và quyết liệt thực hiện đổi mới. Đổi mới trong lĩnh vực chính trị phải đồng bộ với đổi mới kinh tế theo lộ trình thích hợp.

- Trọng tâm là hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, mở rộng dân chủ trong Đảng và trong xã hội gắn với tăng cường kỷ luật, kỷ cương để thúc đẩy đổi mới toàn diện, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc.

- Thực hiện mục tiêu xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh là tiêu chuẩn cao nhất để đánh giá hiệu quả của quá trình đổi mới và phát triển.

1.3. Mở rộng dân chủ, phát huy tối đa nhân tố con người, coi con người là chủ thể, nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của sự phát triển.

- Phải bảo đảm quyền con người, quyền công dân và các điều kiện để mọi người được phát triển toàn diện.

- Nâng cao năng lực và tạo cơ chế để nhân dân thực hiện đầy đủ quyền làm chủ, nhất là dân chủ trực tiếp nhằm phát huy mạnh mẽ mọi khả năng sáng tạo và bảo đảm đồng thuận cao trong xã hội, tạo động lực phát triển đất nước.

- Phát huy lợi thế dân số và con người Việt Nam, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chăm lo lợi ích chính đáng và không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, thực hiện công bằng xã hội.

1.4. Phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất với trình độ khoa học, công nghệ ngày càng cao, đồng thời hoàn thiện quan hệ sản xuất và thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Phải tháo gỡ mọi cản trở, tạo điều kiện thuận lợi để giải phóng và phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ; huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển.

- Phát triển nhanh, hài hòa các thành phần kinh tế và các loại hình doanh nghiệp.

- Phải tăng cường tiềm lực và nâng cao hiệu quả của kinh tế nhà nước. Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, là lực lượng vật chất quan trọng để Nhà nước định hướng và điều tiết nền kinh tế, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, tạo môi trường và điều kiện thúc đẩy các thành phần kinh tế cùng phát triển.

- Tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, minh bạch. Phát triển đồng bộ, hoàn chỉnh và ngày càng hiện đại các loại thị trường. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản lý và phân phối, bảo đảm công bằng lợi ích, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

1.5. Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ ngày càng cao trong điều kiện hội nhập quốc tế sâu rộng.

- Phát huy nội lực và sức mạnh dân tộc là yếu tố quyết định, đồng thời tranh thủ ngoại lực và sức mạnh thời đại là yếu tố quan trọng để phát triển nhanh, bền vững và xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ.

- Phải không ngừng tăng cường tiềm lực kinh tế và sức mạnh tổng hợp của đất nước để chủ động, tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng và có hiệu quả. Trong hội nhập quốc tế, phải luôn chủ động thích ứng với những thay đổi của tình hình bảo đảm hiệu quả và lợi ích quốc gia.

2. Giải pháp phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay

2.1. Nội dung phát triển kinh tế, xã hội:

- Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trọng tâm là tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng và cải cách hành chính.

- Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới toàn diện nền giáo dục quốc dân; gắn kết chặt chẽ, phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ.

- Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, với một số công trình hiện đại, tập trung vào hệ thống giao thông và hạ tầng đô thị lớn.

Định hướng phát triển trong Chiến lược là “Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế”, thể hiện trong các điểm sau:

- Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường đồng bộ và hiện đại là tiền đề quan trọng thúc đẩy quá trình cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, ổn định kinh tế vĩ mô.

- Phát triển mạnh công nghiệp và xây dựng theo hướng hiện đại, nâng cao chất lượng, và sức cạnh tranh, tạo nền tảng cho một nước công nghiệp.

- Phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững.

- Phát triển mạnh các ngành dịch vụ, nhất là các dịch vụ có giá trị cao, tiềm năng lớn và có sức cạnh tranh. Phát triển khu vực dịch vụ đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn các khu vực sản xuất và cao hơn tốc độ tăng GDP.

- Phát triển nhanh kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông. Hình thành cơ bản hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, với một số công trình hiện đại là một đột phá chiến lược, là yếu tố quan trọng thúc đẩy quá trình cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng.

- Phát triển hài hòa, bền vững các vùng, xây dựng đô thị và nông thôn mới.

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch và có cơ chế, chính sách phù hợp để các vùng trong cả nước cùng phát triển, phát huy lợi thế của từng vùng, tạo sự liên kết giữa các vùng.

- Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội hài hòa với phát triển kinh tế. Tạo bước phát triển mạnh mẽ về văn hóa, xã hội; thực hiện tốt tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển phù hợp với điều kiện cụ thể, bảo đảm phát triển nhanh, bền vững.

- Phát triển mạnh sự nghiệp y tế, nâng cao chất lượng công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân. Tập trung phát triển mạnh hệ thống chăm sóc sức khỏe và nâng cao chất lượng dịch vụ y tế. Chuẩn hóa chất lượng dịch vụ y tế. Xây dựng và thực hiện chiến lược quốc gia về nâng cao sức khỏe, tầm vóc con người Việt Nam.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đổi mới toàn diện, phát triển nhanh giáo dục và đào tạo. Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao là một đột phá chiến lược. Phát triển giáo dục phải thực sự là quốc sách 1 hàng đầu.

- Phát triển khoa học và công nghệ thực sự là động lực then chốt của quá trình phát triển nhanh và bền vững. Hướng trọng tâm hoạt động khoa học, công nghệ vào phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển theo chiều sâu, góp phần tăng nhanh năng suất, chất lượng, hiệu quả và nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế.

- Bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường, chủ động ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu. Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, gắn nhiệm vụ, mục tiêu bảo vệ môi trường với phát triển kinh tế - xã hội. Chú trọng phát triển kinh tế xanh, thân thiện với môi trường.

- Giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội; mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động hội nhập, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Tăng cường tiềm lực

quốc phòng, bảo đảm vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia cả ở đất liền, vùng trời, vùng biển, hải đảo trong mọi tình huống. Giữ vững hòa bình, ổn định để xây dựng và phát triển đất nước.

2.2. Nội dung phát triển văn hóa, con người

2.2.1. Văn hóa

- *Quan điểm chỉ đạo về xây dựng và phát triển văn hoá*

Thứ nhất, văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế – xã hội

Quan điểm xác định vai trò, vị trí của văn hoá trong phát triển, nội dung không chỉ thể hiện trong chủ trương, chính sách mà đặc biệt phải được thể trong đời sống nhằm tập hợp, tổ chức, phát huy sức mạnh của cộng đồng.

Thứ hai, nền văn hoá mà chúng ta xây dựng là nền văn hoá tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.

Cốt lõi của tính tiên tiến là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội theo tư tưởng Hồ Chí Minh, tính tiên tiến không chỉ trong nội dung tư tưởng mà còn phải được thể hiện cả trong cách thức biểu hiện, chuyển tải nội dung. Khái niệm tiên tiến cần được hiểu có nội dung rộng hơn so với khái niệm yêu nước, tiến bộ... bao hàm được tính giai cấp, dân tộc.

Nói bản sắc dân tộc trong văn hoá Việt Nam là nói đến tổng thể những phẩm chất, tính cách, sự sống bên trong của dân tộc Việt Nam được hun đúc trong đấu tranh giành và giữ nước.

Thứ ba, nền văn hoá Việt Nam là nền văn hoá thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

Việt Nam là quốc gia đa dân tộc, mỗi thành phần dân tộc ấy có nét riêng về văn hoá biểu hiện tính đa dạng, những nét riêng ấy không mâu thuẫn mà thống nhất với tính tiên tiến và bản sắc dân tộc của nền văn hoá Việt Nam.

+ **Thứ tư**, xây dựng và phát triển văn hoá là sự nghiệp chung của toàn dân do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng.

Văn hoá Việt Nam là sản phẩm sáng tạo của nhân dân ta, ngày nay trong điều kiện mới, nhân dân ta tiếp tục những sáng tạo văn hoá mới, trong đó đội ngũ tri thức là hạt nhân trong nhận thức mới, giữ vai trò quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và phát triển Văn hoá dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

+ **Thứ năm** là, văn hoá là một mặt trận; xây dựng và phát triển văn hoá là một sự nghiệp cách mạng lâu dài, đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì, thận trọng.

Xây dựng và phát triển văn hoá là sự nghiệp không chỉ là việc của cá nhân hay một tổ chức nào mà là sự nghiệp của toàn thể nhân dân, không phải ngày một ngày hai mà làm thành công được mà nó đòi hỏi sự bền bỉ, kiên trì với ý chí cao. Xây dựng và phát triển văn hoá đòi hỏi phải vừa xây vừa chống, kết hợp “xây” với “chống” mà xây là cơ bản; cần có sự kết hợp hài hoà trong việc bảo tồn những di sản văn hoá của các dân tộc, gắn với lợi ích của các không gian văn hoá với lợi ích chung của nền văn hoá quốc gia

2.2.2. Về con người

- *Quan điểm của Đảng:*

Thứ nhất, kết hợp các mục tiêu kinh tế với các mục tiêu xã hội

Thứ hai, xây dựng và hoàn thiện thể chế gắn kết tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội, công bằng xã hội trong từng chính sách phát triển

Thứ ba, chính sách xã hội được thực hiện trên cơ sở phát triển kinh tế, gắn bó hữu cơ giữa quyền lợi và nghĩa vụ, giữa cống hiến và hưởng thụ

Thứ tư, coi trọng chỉ tiêu GDP bình quân đầu người gắn với chỉ tiêu phát triển con người (HDI), chỉ tiêu phát triển các lĩnh vực xã hội

- *Chủ trương của Đảng.*

Một là, khuyến khích làm giàu theo Luật, thực hiện có hiệu quả mục tiêu xoá đói giảm nghèo

Hai là, đảm bảo dịch vụ công thiết yếu, bình đẳng cho mọi người dân, tạo việc làm và thu nhập, chăm sóc sức khoẻ cộng đồng

Ba là, phát triển hệ thống y tế công bằng, hiệu quả

Bốn là, xây dựng chiến lược quốc gia về nâng cao sức khoẻ và cải thiện giống nòi

Năm là, thực hiện tốt các chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình

Sáu là, chú trọng các chính sách ưu đãi xã hội

Bảy là, đổi mới cơ chế quản lý và phương thức cung ứng các dịch vụ công
cộng

Bài 6: TĂNG CƯỜNG QUỐC PHÒNG AN NINH, MỞ RỘNG QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

1. Bối cảnh Việt Nam và quốc tế

1.1. Tình hình quốc tế

- Trong những năm tới, tình hình thế giới tiếp tục sẽ có những thay đổi nhanh chóng diễn biến rất phức tạp, khó lường, tác động mạnh mẽ đến lĩnh vực quốc phòng an ninh, bảo vệ Tổ quốc. Đại hội XII của Đảng nhận định: "Trên thế giới, trong những năm tới tình hình sẽ còn nhiều diễn biến rất phức tạp, nhưng hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn. Quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục được đẩy mạnh. Hợp tác, cạnh tranh, đấu tranh và sự tùy thuộc lẫn nhau giữa các nước, nhất là giữa các nước lớn ngày càng tăng".

- Tình hình chính trị - an ninh thế giới thay đổi nhanh chóng, diễn biến rất phức tạp, khó lường. Đó là tình trạng xâm phạm chủ quyền quốc gia, tranh chấp lãnh thổ và tài nguyên, xung đột sắc tộc, tôn giáo, can thiệp lật đổ, khủng bố, chiến tranh cục bộ, chiến tranh mạng,... tiếp tục diễn ra gay gắt ở nhiều khu vực. Xu hướng vừa hợp tác vừa đấu tranh, vừa liên kết vừa cạnh tranh, cùng tồn tại và giải quyết các vấn đề tranh chấp bằng thương lượng, tránh đối đầu là xu hướng chủ đạo. Những quan hệ đối tác - đối tượng đan xen rất phức tạp, gây nhiều khó khăn trong nhìn nhận và xử lý các quan hệ quốc tế.

- Cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại, phát triển kinh tế tri thức, xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tác động mạnh mẽ đến lĩnh vực quốc phòng, an ninh trong tình hình mới. "Cuộc cách mạng khoa học - công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin tiếp tục phát triển mạnh mẽ, thúc đẩy sự phát triển nhảy vọt trên nhiều lĩnh vực, tạo ra cả thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia"².

- Chủ nghĩa đế quốc, các thế lực thù địch sử dụng chiến tranh công nghệ cao, chiến lược "diễn biến hòa bình", cách mạng màu" để chống lại các nước xã hội chủ

nghĩa và các quốc gia độc lập có chủ quyền. "Đã xuất hiện một số loại hình chiến tranh kiểu mới, như chiến tranh thông tin, chiến tranh mạng, sử dụng sức mạnh mềm thông qua các hoạt động kinh tế, ngoại giao, văn hóa kết hợp với diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ... hết sức nguy hiểm"³.

- Các mối đe dọa an ninh phi truyền thống đang thách thức sự vững chắc của các nền kinh tế, sự ổn định chính trị - xã hội, độc lập, chủ quyền, an ninh đất nước và cuộc sống của các tầng lớp nhân dân.

- Hiện nay, mạng xã hội phát triển và có vai trò ngày càng quan trọng trong đời sống nhân loại. Đồng thời, ngày càng trở thành trụ cột của sự phát triển, "không gian chủ quyền, an ninh" quốc gia. Các cuộc "cách mạng màu" trên thế giới vừa qua cho thấy rõ vai trò "ngòi nổ" nguy hiểm của mạng xã hội một khi bị lợi dụng để lan truyền các tin thất thiệt, kích động, tạo dựng các cuộc bạo động, lật đổ chính quyền.

- Tình hình thế giới nêu trên tác động mạnh mẽ và đặt ra những yêu cầu mới đối với sự nghiệp đổi mới đất nước của nhân dân ta, đối với lĩnh vực quốc phòng, an ninh trong tình hình mới theo cả hai chiều hướng: tích cực, thuận lợi và tiêu cực, khó khăn.

- Những biến đổi của tình hình thế giới, khu vực là nhân tố có tác động mạnh mẽ và toàn diện đến mọi vấn đề quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta. Điều đó đòi hỏi phải có nhận thức mới, phương cách giải quyết đúng đắn trên nền tảng tư duy mới về tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới.

1.2. Tình hình trong nước

- Ba mươi năm thực hiện công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, cách mạng Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Thế và lực, sức mạnh tổng hợp của đất nước tăng lên, uy tín quốc tế của đất nước

ngày càng được nâng cao, tạo ra những tiền đề quan trọng để thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Hiện nay, tuy kinh tế nước ta từng bước ra khỏi tình trạng suy giảm, lấy lại đà tăng trưởng, "nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức", xuất hiện những vấn đề phức tạp mới, ảnh hưởng và gây khó khăn nhất định đến yêu cầu tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

- Các nguy cơ mà Đảng ta đã từng cảnh báo không những không giảm mà có mặt còn trầm trọng hơn. "Bốn nguy cơ mà Đảng ta đã chỉ ra vẫn tồn tại, nhất là nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với các nước trong khu vực và trên thế giới, nguy cơ "diễn biến hòa bình" của thế lực thù địch nhằm chống phá nước ta; tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong một bộ phận cán bộ, đảng viên công chức, viên chức và tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí diễn biến phức tạp; khoảng cách giàu - nghèo, phân hóa xã hội ngày càng tăng, đạo đức xã hội có mặt xuống cấp đáng lo ngại, làm giảm lòng tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào Đảng và Nhà nước".

- Tình hình thế giới và trong nước có cả thuận lợi, thời cơ và khó khăn, thách thức đan xen; đặt ra nhiều vấn đề mới, yêu cầu mới to lớn, phức tạp hơn đối với sự nghiệp đổi mới, phát triển đất nước và bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, đòi hỏi Đảng, Nhà nước và nhân dân ta phải quyết tâm, nỗ lực phấn đấu mạnh mẽ hơn.

2. Quan điểm và những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối quốc phòng, an ninh

2.1. Quan điểm của Đảng về đường lối quốc phòng, an ninh

2.1.1. Củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia, ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên.

- Đại hội XII của Đảng xác định: "Củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia, ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, Nhà nước, của cả hệ thống chính trị và toàn dân, trong đó Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là nòng cốt".

- Xác định củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc là nhiệm vụ "trọng yếu, thường xuyên" không có nghĩa là không tập trung cho nhiệm vụ trung tâm là phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng đất nước, mà càng phải nỗ lực tập trung xây dựng đất nước mạnh lên về mọi mặt, coi đó là "phương thức hữu hiệu" để bảo vệ Tổ quốc. Đây là quan điểm lý luận rất cơ bản, chi phối, quy định toàn bộ nội dung của các quan điểm khác về quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc của Đảng ta trong tình hình mới.

2.1.2. Phát huy mạnh mẽ sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị tranh thủ tối đa sự đồng tình, ủng hộ của cộng đồng quốc tế để bảo vệ Tổ quốc.

- Trong bối cảnh lịch sử mới, trước những diễn biến phức tạp, khó lường của tình hình chính trị - quân sự trên thế giới, khu vực và đặc biệt là Biển Đông; trước xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, vấn đề phát huy mạnh mẽ sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị, tranh thủ tối đa sự đồng tình, ủng hộ của cộng đồng quốc tế càng trở nên đặc biệt quan trọng đối với sự nghiệp củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta.

- Trong sức mạnh tổng hợp, sức mạnh bên trong của đất nước, sức mạnh của chế độ chính trị, sự trong sạch đội ngũ cán bộ và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc là nhân tố quyết định; sức mạnh thời đại, sự ủng hộ, đồng tình, giúp đỡ của nhân dân và các nước trên thế giới là rất quan trọng.

- Trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng cần kiên định ý chí độc lập, tự chủ và nêu cao tinh thần hợp tác quốc tế, phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ ngoại lực, kết hợp yếu tố truyền thống với yếu tố hiện đại.

2.1.3. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- Đại hội XII của Đảng xác định các mục tiêu và nhiệm vụ tổng quát trong 5 năm 2016 - 2020, trong đó có nhiệm vụ: “Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc...”. Đây là quan điểm cơ bản, thể hiện sự phát triển tư duy lý luận của Đảng về bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

- Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc có nội dung rất rộng lớn, nhưng cốt lõi là: xây dựng ý chí quyết tâm sắt đá cùng với kiên trì, bền bỉ đấu tranh của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta để bảo vệ Tổ quốc trong mọi điều kiện, hoàn cảnh.

- Trong tình hình phức tạp hiện nay, càng phải kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Phải kiên quyết, kiên trì đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động, nhất là thủ đoạn thúc đẩy “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, “phi chính trị hóa” lực lượng vũ trang của các thế lực thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng và sự lãnh đạo của Đảng.

- Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, đặc biệt là chủ quyền, lãnh thổ ở Biển Đông. Phương thức bảo vệ là kết hợp đấu tranh vũ trang và phi vũ trang, lấy đấu tranh phi vũ trang là chủ yếu, nhằm chủ động phòng ngừa, ngăn chặn có hiệu quả từ sớm, từ xa các nguy cơ dẫn đến xung đột.

- Trong đó, bao hàm cả việc đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch lợi dụng tình hình phức tạp ở Biển Đông để kích động, phá hoại mối quan hệ giữa Việt Nam với các nước láng giềng; không nóng vội, phải bình tĩnh, kiên trì giải quyết tranh chấp, mâu thuẫn bằng biện pháp hòa bình trên cơ sở luật pháp quốc tế.

2.2. Những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối quốc phòng, an ninh

2.2.1. Xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân vững mạnh.

- Xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, ưu tiên hiện đại hóa một số quân chủng, binh chủng, lực lượng; vững mạnh về chính trị, nâng cao chất lượng tổng hợp sức mạnh chiến đấu, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và nhân dân.

- Xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân vững mạnh trong tình hình mới cần đặc biệt quan tâm xây dựng về chính trị, bảo đảm quân đội và công an tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và nhân dân. Tiếp tục giữ vững, tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý tập trung, thống nhất của Nhà nước đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

- Quan tâm phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh theo hướng lưỡng dụng; tăng cường nguồn lực, tạo cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại cho Quân đội nhân dân và Công an nhân dân đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Tích cực, chủ động chuẩn bị lực lượng đủ mạnh và các kế hoạch, phương án tác chiến cụ thể, khoa học, sẵn sàng bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh của Tổ quốc trong mọi tình huống.

2.2.2. Kết hợp kinh tế, văn hóa, xã hội với quốc phòng, an ninh và quốc phòng, an ninh với kinh tế, văn hóa, xã hội.

- Kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng và an ninh là những lĩnh vực hoạt động chủ yếu, quan trọng trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đại hội XII nhấn mạnh: "Kết hợp chặt chẽ kinh tế, văn hóa, xã hội với quốc phòng, an ninh và quốc phòng, an ninh với kinh tế, văn hóa, xã hội trong từng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, chú trọng vùng sâu, vùng xa, biên giới, biển, đảo".

- Yêu cầu kết hợp là mỗi bước phát triển kinh tế - xã hội phải là một bước tạo điều kiện xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân vững

chắc. Trong xây dựng, củng cố quốc phòng, an ninh phải tính đến phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, phát triển văn hóa. Trong phát triển văn hóa phải chú ý đến việc gia tăng sức mạnh quốc phòng, phục vụ cho việc xây dựng và phát huy các tiềm lực quốc phòng, nhất là tiềm lực chính trị - tinh thần. Mọi quan hệ chặt chẽ, tác động lẫn nhau giữa kinh tế, văn hóa, xã hội và quốc phòng, an ninh phải được nhận thức và xử lý đúng đắn trong thực tiễn trên các lĩnh vực.

2.2.3. Tăng cường hợp tác quốc tế về quốc phòng, an ninh.

- Hợp tác quốc tế về quốc phòng là một nội dung quan trọng của hợp tác quốc tế, là tất yếu khách quan trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Đại hội XII của Đảng xác định: “tăng cường hợp tác quốc tế về quốc phòng, an ninh”.

- Đồng thời cần mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh; tham gia các cơ chế hợp tác chính trị, an ninh song phương và đa phương vì lợi ích quốc gia và trên cơ sở tôn trọng các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, Hiến chương Liên hợp quốc.

- Nội dung hợp tác cần chú trọng hợp tác huấn luyện, đào tạo, trao đổi kinh nghiệm và học thuật với các nước khác. Mở rộng hợp tác quốc tế trong đào tạo sĩ quan, nhân viên kỹ thuật có trình độ chuyên môn cao, nhất là trên lĩnh vực đào tạo ngoại ngữ, quân y và các lĩnh vực khoa học, kỹ thuật quân sự khác.

- Mở rộng quan hệ giữa các học viện, viện nghiên cứu quốc phòng của Việt Nam với các đối tác nước ngoài, cử sĩ quan tham dự các cuộc hội nghị, hội thảo quốc tế... Hợp tác quốc tế về công nghiệp quốc phòng đáp ứng các nhu cầu trang bị, vũ khí của lực lượng vũ trang, nâng cao năng lực công nghiệp quốc phòng trên cơ sở thực hiện nghiêm túc các cam kết quốc tế về kiểm soát vũ khí.

- Hợp tác trên các lĩnh vực nghiên cứu, chuyển giao công nghệ; sản xuất, sửa chữa trang thiết bị quân sự và vũ khí; hợp tác quốc tế trong đào tạo nhân lực cho quân đội.

2.2.4. Có kế sách ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa; chủ động phòng ngừa, phát hiện sớm và triệt tiêu các nhân tố bất lợi, nhất là các nhân tố bên trong có thể gây ra đột biến

- Đây là một nội dung, biện pháp cơ bản, kế thừa, phát huy truyền thống “giữ nước từ khi nước chưa nguy” của ông cha ta, thể hiện sâu sắc tư duy mới của Đảng về kế sách giữ nước, kế sách bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Thực hiện kế sách này là trách nhiệm chính trị của mọi cấp, mọi ngành, mọi tổ chức, cá nhân và toàn xã hội.

- Để thực hiện kế sách trên, phải xây dựng đất nước vững mạnh về mọi mặt, đủ sức ngăn đe các thế lực thù địch gây chiến tranh xâm lược. Kịp thời phát hiện, nắm được mọi ý đồ chống phá Việt Nam của các thế lực thù địch ở trong nước và nước ngoài; ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa; chủ động phòng ngừa, phát hiện sớm và triệt tiêu các nhân tố bất lợi, nhất là các nhân tố bên trong có thể gây ra đột biến.

- Chủ động đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hành động xâm phạm chủ quyền biển đảo, lợi ích quốc gia, dân tộc và các hoạt động chống phá của các thế lực thù địch.

- Kiên quyết, kiên trì đấu tranh, giải quyết những bất đồng, tranh chấp bằng giải pháp hòa bình trên cơ sở tôn trọng luật pháp quốc tế.

- Tăng cường “tự bảo vệ” trong nội bộ các tổ chức Đảng, Nhà nước, đoàn thể xã hội, cộng đồng dân cư; thực hiện chiến lược đối ngoại linh hoạt, mềm dẻo, có nguyên tắc để thêm bạn, bớt thù, xử lý khôn khéo vấn đề “đôi tác”, “đối tượng”, tăng đôi tác giảm đôi tượng chống phá Việt Nam.

2.2.5. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với Quân đội nhân dân và sự nghiệp quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc.

- Đại hội XII của Đảng chỉ rõ: "Để thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, phải tiếp tục giữ vững, tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực

tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý tập trung, thống nhất của Nhà nước đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc".

- Sự lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp xây dựng quân đội, công an, củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc là vấn đề có tính quy luật, là nguyên tắc được khẳng định trong Hiến pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, phù hợp với thực tiễn cách mạng Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam trực tiếp lãnh đạo sự nghiệp xây dựng quân đội, công an, củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc không thông qua một khâu trung gian nào.

- Sự lãnh đạo của Đảng được thực hiện bằng nội dung, phương thức tổ chức hết sức chặt chẽ, khoa học, đồng bộ, thống nhất từ Trung ương tới cơ sở. Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo toàn diện sự nghiệp xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc. Sự lãnh đạo của Đảng được tập trung thống nhất vào Ban Chấp hành Trung ương mà thường xuyên và trực tiếp là Bộ Chính trị và Ban Bí thư Trung ương Đảng.

- Để giữ vững, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phải tiếp tục bổ sung, phát triển, cụ thể hóa đường lối và phương thức lãnh đạo của Đảng, hoàn thiện hệ thống luật pháp và chính sách của Nhà nước đối với sự nghiệp xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng, an ninh; đồng thời, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức, ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ.

- Giữ vững, tăng cường sự quản lý tập trung, thống nhất của Nhà nước đối với sự nghiệp xây dựng quân đội, công an, củng cố quốc phòng, an ninh và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới

- Nhà nước có trách nhiệm thể chế hóa, cụ thể hóa đường lối, quan điểm của Đảng về xây dựng công an, củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc thành pháp luật và những chính sách, kế hoạch cụ thể để quản lý và điều hành tổ chức thực hiện.

- Để giữ vững, tăng cường sự quản lý tập trung, thống nhất của Nhà nước đối với sự nghiệp xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng, an ninh phải “Hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về quốc phòng, an ninh; nâng cao hiệu lực hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh”

- Đồng thời, xây dựng Nhà nước thật sự trong sạch, vững mạnh; bồi dưỡng nâng cao nhận thức, trách nhiệm và năng lực tổ chức thực hiện công tác quân sự, quốc phòng, an ninh cho đội ngũ cán bộ, công chức.

3. Quan điểm và những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối đối ngoại

3.1. Quan điểm của Đảng về đường lối đối ngoại

Kế thừa quan điểm chỉ đạo về đối ngoại của các kỳ Đại hội trước, Đại hội XII của Đảng Cộng sản Việt Nam đã đưa ra chủ trương có tính bước ngoặt về đường lối đối ngoại trong điều kiện mới, thể hiện trên một số nội dung sau:

- **Trước hết**, Đảng ta đã gắn nhận định về tình hình thế giới, khu vực và thực tiễn của thời đại để xác định mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ đối ngoại trong những năm tới. Trong 5 năm tới, tình hình thế giới và khu vực sẽ còn nhiều diễn biến rất phức tạp, tác động trực tiếp đến nước ta, tạo ra cả thời cơ và thách thức. Hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương, trong đó có khu vực Đông Nam Á đã trở thành một cộng đồng, là trung tâm phát triển năng động nhưng cũng là khu vực cạnh tranh chiến lược giữa một số nước lớn.

Nhận thức của Đảng ta về tình hình thế giới, tình hình khu vực cũng luôn đổi mới và sát thực tiễn trong giai đoạn mới, đây là một trong những cơ sở trực tiếp để Đảng ta đưa ra quyết sách về đường lối đối ngoại cho phù hợp trong những năm tới. Đảng ta đã nhận định: “Nhận thức đúng về xu thế của thời đại và cục diện thế giới, khu vực, Đảng, Nhà nước đã có định hướng chỉ đạo và các chính sách đúng đắn, kịp thời trên cơ sở lợi ích quốc gia - dân tộc.

- **Thứ hai**, Đại hội XII của Đảng đã đặt ra yêu cầu nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, chủ động hội nhập quốc tế, giữ vững môi trường hòa bình và tạo điều thuận lợi để phát triển đất nước.

Nâng cao hiệu quả các hoạt động đối ngoại, tiếp tục đưa các mối quan hệ hợp tác đi vào chiều sâu. Triển khai mạnh mẽ định hướng chiến lược chủ động và tích cực hội nhập quốc tế.

Nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế, thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế, các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới trong một kế hoạch tổng thể với lộ trình hợp lý, phù hợp với lợi ích của đất nước.

Chủ động, tích cực tham gia các cơ chế đa phương về quốc phòng và an ninh... Công tác đối ngoại được đẩy mạnh sẽ tạo môi trường quốc tế thuận lợi, hòa bình, thiết thực góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- **Thứ ba**, về mục tiêu và nhiệm vụ của đối ngoại, Đảng ta đã xác định trong văn kiện Đại hội XII:

Mục tiêu tối thượng là bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc, trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng và cùng có lợi.

Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa dạng hóa, đa phương hóa trong quan hệ đối ngoại.

Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế nhằm “phục vụ mục tiêu giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, tranh thủ tối đa các nguồn lực bên ngoài để phát triển đất nước, nâng cao đời sống nhân dân; nâng cao vị thế, uy tín của đất nước và góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới”

Sự đúng đắn trong quan điểm chỉ đạo của Đảng thể hiện ở việc xác định mục tiêu, nhiệm vụ đối ngoại là bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc là một trong những

vấn đề quan trọng nhất “Bảo đảm lợi ích tối cao của quốc gia - dân tộc, trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng và cùng có lợi, thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển... Trên cơ sở vừa hợp tác, vừa đấu tranh, hoạt động đối ngoại nhằm phục vụ mục tiêu giữ vững hòa bình, ổn định, tranh thủ tối đa các nguồn lực bên ngoài để phát triển đất nước”.

Hiện nay trên thế giới, tất cả các nước đều coi trọng lợi ích quốc gia khi thực thi chính sách đối ngoại. Đối với nước ta, xác định đường lối đối ngoại mà đặt lợi ích quốc gia - dân tộc là mục tiêu hàng đầu là vừa phù hợp với xu thế chung, vừa là ý Đảng lòng Dân và tạo sự đồng thuận cao trong xã hội.

- **Thứ tư**, Đại hội XII của Đảng tiếp tục khẳng định phương châm và định hướng lớn của hoạt động đối ngoại là “Đa dạng hóa, đa phương hóa trong quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế”.

Đẩy mạnh và làm sâu sắc hơn quan hệ với các đối tác, nhất là các đối tác chiến lược và các nước lớn có vai trò quan trọng đối với phát triển và an sinh của đất nước, đưa khuôn khổ quan hệ đã xác lập vào thực chất

. Nâng cao chất lượng công tác tham mưu về đối ngoại và hội nhập quốc tế. Tăng cường công tác thông tin đối ngoại, hội nhập quốc tế, tạo đồng thuận trong nước và tranh thủ sự ủng hộ của bạn bè quốc tế đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo

- **Thứ năm**, Đảng lãnh đạo thống nhất, Nhà nước quản lý tập trung đối với các hoạt động đối ngoại tạo nên diện mạo đa dạng với nội dung và hình thức phong phú của đối ngoại Việt Nam trong tình hình mới. “Bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, sự quản lý tập trung của Nhà nước đối với các hoạt động đối ngoại. Phối hợp chặt chẽ hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân; giữa ngoại chính trị với ngoại giao kinh tế và ngoại giao văn hóa; giữa đối ngoại với quốc phòng, an ninh.

- **Thứ sáu**, Đảng ta rất chú trọng hoạt động đối ngoại với các Đảng anh em, góp phần định hướng, giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quan hệ giữa Việt Nam với một số nước, nhất là các nước láng giềng.

Trong thời điểm khó khăn, quan hệ ngoại giao giữa Đảng ta với các Đảng anh em đã góp phần hiệu quả tháo gỡ vướng mắc, khai thông bế tắc, giữ nhịp cho quan hệ nhà nước và tổng thể quan hệ chung phát triển ổn định, lành mạnh, đúng hướng. Trong đó, chủ động mở rộng và tăng cường quan hệ đối ngoại Đảng, đưa các mối quan hệ đi vào chiều sâu, hiệu quả, thiết thực.

Chú trọng tới khâu đột phá là quan hệ với các đảng cầm quyền, tham chính, và những đảng có vị trí và vai trò quan trọng trong việc hình thành và triển khai chính sách của các nước đối với Việt Nam.

Việc khẳng định tiếp tục mở rộng quan hệ với các đảng cầm quyền và các đảng khác thể hiện tư duy đối ngoại linh hoạt, mềm dẻo, sáng tạo cần thiết của Đảng Cộng sản Việt Nam. Mở rộng quan hệ với các đảng cầm quyền ở các nước nhằm trao đổi kinh nghiệm lãnh đạo và quản lý đất nước, góp phần thúc đẩy quan hệ mọi mặt giữa nước ta với nước mà đảng đó cầm quyền đã góp phần nâng cao vị thế uy tín của Việt Nam trên các diễn đàn đa phương.

Trong quan hệ với các đảng cầm quyền trên thế giới chúng ta cũng xác định rõ các nguyên tắc: độc lập tự chủ; bình đẳng; tôn trọng lẫn nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau; cùng nhau thúc đẩy quan hệ hữu nghị và hợp tác, vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, phát triển và tiến bộ; và Đảng ta không quan hệ với các đảng, các tổ chức cực đoan.

Đây là kết quả của quá trình cải biến cách mạng sâu sắc, toàn diện, triệt để, khẳng định đường lối đổi mới của Đảng, trong đó có tư duy đối ngoại là hoàn toàn đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với thực tiễn cách mạng Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại hiện nay. Chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam mở rộng quan hệ với các đảng chính trị trên thế giới trong tình hình hiện nay là đúng đắn, là cần

thiết, nhằm tạo nên sự đồng thuận và cổ vũ cho đường lối đổi mới toàn diện đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa giành thắng lợi.

3.2. Những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối đối ngoại

Nhằm khai thác tối đa các thuận lợi, thời cơ, vượt qua các khó khăn, thách thức, trong thời gian tới, đối ngoại đảng cần quán triệt sâu sắc các chủ trương, định hướng lớn về đối ngoại theo tinh thần Đại hội XII của Đảng, tập trung vào một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

- *Thứ nhất*, tiếp tục phát huy lợi thế, sức mạnh, vai trò của đối ngoại đảng trong duy trì môi trường quốc tế hòa bình, ổn định, tăng cường và đưa các mối quan hệ quốc tế đi vào chiều sâu, tạo điều kiện thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đối ngoại đảng cần tiếp tục phát huy tốt vai trò xây dựng nền tảng chính trị trong quan hệ với các đối tác quốc tế, qua đó góp phần thúc đẩy tổng thể quan hệ hợp tác của Việt Nam với các quốc gia trên thế giới.

- *Thứ hai*, tích cực nâng cao hiệu quả thực chất, thúc đẩy các nội dung quan hệ đảng tiếp tục đi vào chiều sâu, cả trên bình diện song phương và đa phương. Tiếp tục chủ động, tích cực triển khai chủ trương tăng cường quan hệ truyền thống với các đảng cộng sản, công nhân, cánh tả; mở rộng và đưa quan hệ với các đảng cầm quyền, tham chính đi vào chiều sâu. Chủ động và tích cực phát huy vai trò của Đảng ta tại các diễn đàn đa phương chính đảng. Nội dung trao đổi, hợp tác trên kênh đảng đi sâu vào các lĩnh vực, vấn đề có ý nghĩa thiết thực đối với công cuộc bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước, như kinh nghiệm cầm quyền, năng lực và kỹ năng lãnh đạo, quản lý và trình độ, kiến thức chuyên môn của lãnh đạo, cán bộ đảng các cấp.

- *Thứ ba*, phối hợp đồng bộ và chặt chẽ với ngoại giao nhà nước và ngoại giao nhân dân nhằm huy động và phát huy hơn nữa sức mạnh tổng hợp cho công tác đối ngoại. Đây là một truyền thống quý báu của đối ngoại nước ta. Việc huy động và củng cố sức mạnh vật chất luôn được kết hợp chặt chẽ với việc huy động

và phát huy sức mạnh tinh thần; kết hợp chặt chẽ các kênh, các bình chủng và lĩnh vực của đối ngoại, từ ngoại giao nhà nước, đến đối ngoại đảng, ngoại giao nhân dân. Trong bối cảnh hiện nay, đối ngoại càng cần phải trở thành một mặt trận thống nhất dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung thống nhất của Đảng, với sự tham gia năng động, sáng tạo, phối hợp nhịp nhàng của các cấp, các ngành, của mọi tổ chức, cá nhân.

- *Thứ tư*, không ngừng đổi mới tư duy trên tất cả các kênh đối ngoại, cả về nội dung, phương thức, chiến lược, chiến thuật triển khai hoạt động. Việc xử lý linh hoạt các mối quan hệ quốc tế của Đảng tạo điều kiện thuận lợi chung cho công tác đối ngoại, góp phần tăng cường nền tảng, sự gắn kết, bổ sung và thống nhất trong thực tiễn triển khai hoạt động đối ngoại giữa đối ngoại đảng với ngoại giao nhà nước và ngoại giao nhân dân. Đồng thời, trong cục diện thế giới phức tạp như hiện nay, cần nắm chắc phương châm “dĩ bất biến, ứng vạn biến” trong kiên trì thực hiện đường lối đối ngoại, không để các khác biệt về thể chế chính trị - xã hội cản trở việc mở rộng các mối quan hệ quốc tế của Đảng.

- *Thứ năm*, thường xuyên củng cố và tăng cường năng lực của lực lượng tham gia công tác đối ngoại, trong đó có đối ngoại đảng. Chúng ta phải xây dựng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, năng lực chuyên môn toàn diện, am hiểu luật pháp, giỏi ngoại ngữ và bảo đảm các điều kiện cần thiết cho việc triển khai hiệu quả các hoạt động đối ngoại.

Là một bộ phận cấu thành của nền ngoại giao toàn diện Việt Nam, đối ngoại đảng đã có nhiều đóng góp quan trọng, hiệu quả vào thành công chung của mặt trận đối ngoại thời kỳ đổi mới, phục vụ công cuộc xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước. Việc xử lý linh hoạt các mối quan hệ quốc tế của Đảng tạo điều kiện thuận lợi chung cho công tác đối ngoại, góp phần củng cố nền tảng chính trị, tăng cường sự gắn kết, bổ sung và thống nhất trong thực tiễn triển khai hoạt động đối ngoại giữa đối ngoại đảng với ngoại giao nhà nước và ngoại giao nhân dân. Với

những thành quả quan trọng, nổi bật đã đạt được thời gian vừa qua, với quyết tâm mạnh mẽ của Đảng, Nhà nước và các lực lượng làm đối ngoại, công tác đối ngoại của nước ta sẽ tiếp tục đạt kết quả thực chất, hiệu quả toàn diện, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Bài 7: XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

1. Bản chất và đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

1.1. Bản chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Điều 2 Hiến pháp năm 1992 xác định “Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức”.

Bản chất Nhà nước của dân, do dân và vì dân được thể hiện bằng những đặc trưng sau:

- Một là, nhân dân là chủ thể tối cao của quyền lực nhà nước.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã tiến hành đấu tranh cách mạng, trải qua bao hy sinh gian khổ, giành thắng lợi trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945, lập nên Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (nay là Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam).

Nhà nước ta là Nhà nước của dân, do nhân dân mà nòng cốt là liên minh công – nông – trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của cả dân tộc Việt Nam, là người lãnh đạo để thực hiện quyền lực của nhân dân. Đó chính là tính chất giai cấp của Nhà nước ta.

Nhân dân với tư cách là chủ thể tối cao của quyền lực nhà nước, thực hiện quyền lực nhà nước với nhiều hình thức khác nhau.

Hình thức cơ bản nhất là nhân dân thông qua bầu cử lập ra các cơ quan đại diện quyền lực của mình.

Điều 6 Hiến pháp năm 1992 quy định: “Nhân dân sử dụng quyền lực Nhà nước thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân là những cơ quan đại diện cho ý

chí và nguyện vọng của nhân dân, do nhân dân bầu ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân”. Đồng thời, nhân dân có quyền giám sát, yêu cầu các đại biểu và cơ quan do nhân dân lập ra trả lời những vấn đề của nhân dân đặt ra trong việc thực thi chức năng, nhiệm vụ, đảm bảo quyền lợi của nhân dân.

- **Hai là**, Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước của tất cả các dân tộc trên lãnh thổ Việt Nam, là biểu hiện tập trung của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Tính dân tộc của Nhà nước Việt Nam vừa là bản chất, vừa là truyền thống, vừa là nguồn gốc sức mạnh của Nhà nước ta. Ngày nay, tính dân tộc ấy lại được tăng cường và nâng cao nhờ khả năng kết hợp giữa tính giai cấp, tính nhân dân, tính dân tộc và tính thời đại. Điều 5 Hiến pháp năm 1992 khẳng định: “Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước thống nhất của các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam. Nhà nước thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giữa các dân tộc, nghiêm cấm mọi hành vi kỳ thị, chia rẽ dân tộc.

Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc và phát huy những phong tục, tập quán, truyền thống và văn hoá tốt đẹp của mình...”.

Các dân tộc có quyền lựa chọn những đại biểu ưu tú của dân tộc mình tham gia vào cơ quan Nhà nước các cấp.

- **Ba là**, Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được tổ chức và hoạt động trên cơ sở nguyên tắc bình đẳng trong mối quan hệ giữa Nhà nước và công dân.

Khi quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, thì quan hệ giữa Nhà nước và công dân đã thay đổi, công dân có quyền tự do, dân chủ trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, đồng thời phải làm tròn nghĩa vụ trước Nhà nước. Pháp luật bảo đảm thực hiện trách nhiệm hai chiều giữa Nhà nước và công dân: quyền của công dân là nghĩa vụ, trách nhiệm của Nhà nước, nghĩa vụ của công dân là quyền của Nhà nước.

- **Bốn là**, tính chất dân chủ rộng rãi của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Dân chủ hoá đời sống xã hội và hoạt động của Nhà nước là đòi hỏi có tính nguyên tắc, nảy sinh từ bản chất dân chủ của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Thực chất của dân chủ xã hội chủ nghĩa là thu hút những người lao động tham gia một cách bình đẳng và ngày càng rộng rãi vào quản lý công việc của Nhà nước và của xã hội. Vì vậy, quá trình xây dựng Nhà nước phải là quá trình dân chủ hoá tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, đồng thời, phải cụ thể hoá tư tưởng dân chủ thành các quyền của công dân, quyền dân sự, chính trị cũng như quyền kinh tế, xã hội và văn hoá. Phát huy được quyền dân chủ của nhân dân ngày càng rộng rãi là nguồn sức mạnh vô hạn của Nhà nước.

Những đặc điểm mang tính bản chất nêu trên của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được thể hiện cụ thể trong các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước và được pháp luật chế định một cách chặt chẽ.

1.2. Đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

1.2.1. Nhà nước pháp quyền là biểu hiện tập trung của chế độ dân chủ.

- Dân chủ vừa là bản chất của nhà nước pháp quyền vừa là điều kiện, tiền đề của chế độ nhà nước.

- Mục tiêu của nhà nước pháp quyền là xây dựng và thực thi một nền dân chủ, đảm bảo quyền lực chính trị thuộc về nhân dân. Nhân dân thực hiện quyền dân chủ của mình thông qua dân chủ trực tiếp; dân chủ đại diện.

1.2.2. Nhà nước pháp quyền được tổ chức và hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

- Hiến pháp và pháp luật luôn giữ vai trò điều chỉnh cơ bản đối với toàn bộ hoạt động Nhà nước và hoạt động xã hội, quyết định tính hợp hiến và hợp pháp của mọi tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước.

- Tuy nhiên không phải mọi chế độ lập Hiến, mọi hệ thống pháp luật đều có thể đưa lại khả năng xây dựng nhà nước pháp quyền, mà chỉ có Hiến pháp và hệ thống pháp luật dân chủ, công bằng mới có thể làm cơ sở cho chế độ pháp quyền trong nhà nước và xã hội.

1.2.3. Nhà nước pháp quyền tôn trọng, đề cao và đảm bảo quyền con người trong mọi lĩnh vực hoạt động của Nhà nước và xã hội.

- Quyền con người là tiêu chí đánh giá tính pháp quyền của chế độ nhà nước. Mọi hoạt động của Nhà nước đều phải xuất phát từ sự tôn trọng và đảm bảo quyền con người, tạo mọi điều kiện cho công dân thực hiện quyền của mình theo đúng các quy định của luật pháp.

- Mọi quan hệ giữa cá nhân và nhà nước được xác định chặt chẽ về phương diện luật pháp và mang tính bình đẳng. Mô hình quan hệ giữa Nhà nước và cá nhân được xác định theo nguyên tắc: ***Đối với cơ quan nhà nước chỉ được làm những gì luật cho phép; đối với công dân được làm tất cả trừ những điều luật cấm.***

1.2.4. Quyền lực nhà nước trong nhà nước pháp quyền được tổ chức và thực hiện theo các nguyên tắc dân chủ: phân công quyền lực và kiểm soát quyền lực.

- Tính chất và cách thức phân công, kiểm soát quyền lực nhà nước rất đa dạng, tùy thuộc vào chính thể nhà nước ở các nước khác nhau, nhưng đều có điểm chung là quyền lực nhà nước không thể tập trung vào một người, vào một cơ quan, mà phải được phân công (phân chia) giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quyền lập pháp, quyền hành pháp và quyền tư pháp.

- Đồng thời, việc tổ chức và thực thi quyền lực phải được kiểm soát chặt chẽ với các cơ chế kiểm soát quyền lực cụ thể kể cả bên trong bộ máy nhà nước và bên ngoài bộ máy nhà nước.

1.2.5. Nhà nước pháp quyền gắn liền với một cơ chế bảo vệ Hiến pháp và pháp luật phù hợp.

- Nền tảng của nhà nước pháp quyền là Hiến pháp và một hệ thống pháp luật dân chủ và công bằng, do vậy, một cơ chế bảo vệ Hiến pháp và pháp luật luôn là một yêu cầu, một điều kiện cần thiết nhằm đảm bảo cho Hiến pháp, pháp luật luôn được tôn trọng, đề cao và tuân thủ nghiêm minh.

- Hình thức và phương thức bảo vệ Hiến pháp và pháp luật ở các quốc gia có thể đa dạng và khác nhau, nhưng đều hướng tới mục tiêu là bảo đảm địa vị tối cao, bất khả xâm phạm của Hiến pháp, loại bỏ hành vi trái với tinh thần và quy định của Hiến pháp, không phụ thuộc và chủ thể của các hành vi này.

- Đồng thời với bảo vệ Hiến pháp, nhà nước pháp quyền luôn đòi hỏi phải xây dựng và thực thi một chế độ tư pháp thật sự dân chủ, minh bạch và trong sạch để duy trì và bảo vệ pháp chế trong mọi lĩnh vực hoạt động của Nhà nước và xã hội.

1.2.6. Trong nhà nước pháp quyền, quyền lực nhà nước luôn được giới hạn trong các mối quan hệ: Nhà nước và kinh tế; Nhà nước và xã hội.

- Trong mối quan hệ giữa Nhà nước và kinh tế, vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước được xác định bởi tính chất, trình độ của các mô hình kinh tế thị trường, theo hướng Nhà nước tôn trọng, phát huy các quy luật khách quan của thị trường, thông qua thị trường để điều tiết các quan hệ kinh tế, đồng thời khắc phục, hạn chế các mặt tiêu cực của thị trường.

- Trong mối quan hệ với xã hội, Nhà nước thông qua luật pháp để quản lý xã hội, tôn trọng đề cao vị trí, vai trò và quyền tự chủ (tự quản) của các cấu trúc xã hội (các tổ chức xã hội, các cộng đồng xã hội).

- Mối quan hệ giữa Nhà nước, kinh tế, xã hội là mối quan hệ tương tác, quy định và chi phối lẫn nhau. Nhà nước không đứng trên kinh tế và xã hội. Nhà nước pháp quyền gắn liền với kinh tế và xã hội, phục vụ kinh tế và xã hội trong phạm vi Hiến pháp và pháp luật.

2. Phương hướng, nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1. Phương hướng xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.1. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng.

- Để đáp ứng yêu cầu cách mạng trong giai đoạn mới, Đảng Cộng sản Việt Nam được người làm chủ là nhân dân tín nhiệm và tin cậy giao trách nhiệm lãnh đạo Nhà nước.

- Đảng cần phải nâng tầm trí tuệ và tư tưởng, nâng cao năng lực lãnh đạo và phong cách lãnh đạo, kiên quyết khắc phục bệnh quan liêu, thành tích, cơ hội, thực dụng vẫn còn đâu đó trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên.

- Phong cách lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh cần được học tập và làm theo một cách có hiệu quả, nói cần phải đi đôi với làm và làm một cách thiết thực.

- Đảng lãnh đạo Nhà nước, không bao biện, làm thay công việc của Nhà nước nhưng Đảng phải nắm chắc công việc của Nhà nước để không bị động, lúng túng trong lãnh đạo Nhà nước.

- Cùng với quá trình tự đổi mới, tự chỉnh đốn, thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng làm cho Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh, cần phải đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và hệ thống chính trị.

- Xây dựng và hoàn thiện các quy chế phối hợp giữa các tổ chức đảng, các ban của cấp ủy với các cơ quan, tổ chức nhà nước và tổ chức chính trị - xã hội...

2.1.2. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam - dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, quản lý toàn diện các hoạt động.

- Kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, củng cố và mở rộng quan hệ đối ngoại với các nước trên thế giới, đồng thời quản lý, điều

hành mọi hoạt động xây dựng và thi hành luật pháp, cần phải được hoàn thiện về bộ máy tổ chức, trong đó chất lượng của con người trong từng tổ chức, từng cơ quan của bộ máy nhà nước cần được nâng lên một tầm cao mới.

- Nhiệm vụ của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thực hiện nguyện vọng chính đáng của nhân dân và Cương lĩnh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, thực hiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm đưa đất nước vững chắc tiến đến mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

- Đây là nhiệm vụ hết sức nặng nề, do đó đòi hỏi một nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, có trình độ tổ chức hiện đại với đội ngũ cán bộ có đức, có tài, có năng lực quản lý, điều hành toàn diện là yêu cầu tất yếu khách quan hiện nay.

2.2. Nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2.1. Cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền pháp luật để nhân dân hiểu được bản chất dân chủ của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Nắm vững và thực hiện quyền làm chủ và nghĩa vụ công dân của mình, hiểu được mọi quyền lực của Nhà nước đều do dân giao cho, các cơ quan nhà nước không tự có quyền lực.

- Quyền lực của dân được thể hiện qua việc bầu ra cơ quan đại diện cho mình để xây dựng pháp luật và thi hành pháp luật, giám sát hoạt động của bộ máy nhà nước các cấp thông qua các bộ luật này. Điều này thể hiện tính dân chủ, tính nhân văn của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam - một nhà nước mang tính nhân dân sâu sắc.

Song song với việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật, cần đẩy mạnh việc giáo dục tư tưởng dân chủ và ý thức tôn trọng pháp luật cho nhân dân (một điểm còn yếu hiện nay), vì mức độ thể hiện dân chủ và ý thức tôn trọng dân chủ, tôn trọng

pháp luật, mức độ tham gia đóng góp ý kiến được thể hiện thông qua trình độ hiểu biết chính trị, ý thức tự giác, lòng tự trọng và trách nhiệm của họ trong việc tham gia xây dựng luật pháp, giám sát việc thi hành luật pháp và tự giác chấp hành luật pháp.

2.2.2. Tiếp tục đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của Quốc hội

- Đại hội X của Đảng khẳng định: "Hoàn thiện cơ chế bầu cử nhằm nâng cao chất lượng đại biểu Quốc hội..."; nâng cao chất lượng, hiệu quả trong việc quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và thực hiện các chức năng giám sát của Quốc hội; phát huy vai trò, trách nhiệm, nâng cao năng lực của đại biểu Quốc hội; tăng cường mối quan hệ hai chiều giữa Quốc hội với nhân dân.

- Các cuộc bầu cử dân chủ là hoạt động tiêu biểu quan trọng nhất trong các hoạt động dân chủ trực tiếp của người dân. Thông qua các cuộc bầu cử Quốc hội và hội đồng nhân dân, quyền công dân, quyền làm chủ của dân được thể hiện đúng với bản chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa: mọi quyền lực thuộc về dân, do dân và vì dân.

- Quốc hội cơ quan đại diện quyền lực cao nhất của dân có cơ cấu hợp lý, hội tụ đầy đủ đại biểu của các dân tộc anh em trên đất nước Việt Nam, hội tụ đầy đủ trí tuệ, năng lực, bản lĩnh, sức mạnh của dân tộc Việt Nam, mang đậm nét dân tộc, nhân văn Việt Nam.

2.2.3. Coi trọng việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, bảo đảm cho luật pháp thể hiện đúng ý chí, nguyện vọng và quyền lực của dân, thực sự bảo vệ được các quyền của công dân.

- Nhà nước quản lý, điều hành bằng pháp luật. Do đó, luật pháp chiếm vị trí tối thượng trong hoạt động của Nhà nước và trong đời sống xã hội.

- Việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thực hiện hệ thống pháp luật phải tuân thủ các nguyên tắc:

Một là, bảo đảm sự phù hợp giữa ý chí chủ quan với tồn tại khách quan trong xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

Hai là, bảo đảm dân chủ trong xây dựng pháp luật.

Ba là, bảo đảm pháp chế trong xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

Bốn là, bảo đảm tính khoa học trong xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

Năm là, bảo đảm tính hiệu quả của điều chỉnh pháp luật.

Sáu là, bảo đảm sự phù hợp giữa pháp luật quốc gia với luật pháp quốc tế mà Nhà nước ta đã tham gia ký kết hoặc gia nhập.

Bảy là, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, tổ chức thực hiện pháp luật.

2.2.4. *Đẩy mạnh cải cách tư pháp theo hướng: "Xây dựng hệ thống cơ quan tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, quyền con người.*

- Đẩy mạnh việc thực hiện *Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*. Cải cách tư pháp khẩn trương, đồng bộ; lấy cải cách hoạt động xét xử làm trọng tâm; thực hiện cơ chế công tố gắn với hoạt động điều tra.

- Xây dựng cơ chế phán quyết về những vi phạm *Hiến pháp* trong hoạt động lập pháp, hành pháp và tư pháp".

- Cải cách tư pháp phải bảo đảm giữ vững bản chất dân chủ xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân của các cơ quan tư pháp.

- Phải được tiến hành đồng bộ với đổi mới tổ chức và hoạt động của cơ quan lập pháp, hành pháp, bảo đảm sự phân công rõ ràng và sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan thực hiện quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp trên cơ sở quyền lực nhà nước là thống nhất, không phân chia

- Cải cách tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp phải bảo đảm tính tối cao của *Hiến pháp*, luật, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước bằng

pháp luật; tổ chức và hoạt động tư pháp phải công bằng, bình đẳng và dân chủ, tôn trọng và bảo vệ các quyền tự do của con người; cải cách tổ chức và hoạt động tư pháp phải đáp ứng các yêu cầu của hội nhập quốc tế và khu vực.

2.2.5. Tiếp tục cải cách mạnh mẽ nền hành chính nhà nước.

- Nền hành chính nhà nước là hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước ở Trung ương và chính quyền địa phương, cơ sở gắn với hệ thống thể chế hành chính, đội ngũ cán bộ, công chức và hệ thống quản lý tài chính công, tài sản công, thực thi quyền hành pháp để quản lý, điều hành các lĩnh vực của đời sống xã hội.

- Nó bảo đảm cho hoạt động quản lý nhà nước đối với các lĩnh vực đời sống xã hội được thực hiện theo chương trình, kế hoạch đã đề ra; xử lý các tình huống, diễn biến phát sinh trong đời sống xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

- Trước mắt, cần tập trung: "Đẩy mạnh cải cách hành chính, đổi mới tổ chức và hoạt động của Chính phủ theo hướng xây dựng hệ thống cơ quan hành pháp thống nhất, thông suốt, hiện đại.

- Trong quá trình thực hiện phải cải cách đồng bộ các yếu tố của nền hành chính nhà nước:

Thứ nhất, cải cách thể chế nền hành chính.

Thứ hai, cải cách tổ chức và hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước ở Trung ương và chính quyền địa phương.

Thứ ba, đổi mới, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức.

Thứ tư, đẩy mạnh cải cách tài chính công.

2.2.6. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đủ năng lực, phẩm chất; đồng thời, đẩy mạnh đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng và những tiêu cực khác đáp ứng yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, mang đậm nét dân tộc và nhân đạo.

- Đội ngũ cán bộ có vai trò quyết định sự thành bại của cách mạng và hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

- Cần phân công lao động hợp lý đội ngũ cán bộ, công chức, tránh tình trạng bộ máy hành chính phình ra quá lớn và đào tạo, bồi dưỡng theo yêu cầu nâng cao chất lượng cả về năng lực và phẩm chất đạo đức.

- Thực hiện trách nhiệm trong đề cử, bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo theo hướng cấp trưởng giới thiệu cấp phó, cấp sử dụng trực tiếp giới thiệu để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Phải kết hợp chặt chẽ các khâu quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, luân chuyển, sắp xếp, bố trí, điều động cán bộ và tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát cán bộ và công tác cán bộ để xây dựng một đội ngũ cán bộ có tâm, đức, năng lực và thực sự là công bộc của dân.

- Có ngăn chặn và chống được quan liêu, tham nhũng mới xây dựng được Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh, thực sự là của dân, do dân và vì dân. Toàn bộ hệ thống chính trị và toàn dân phải có quyết tâm chính trị cao đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí thì cuộc đấu tranh mới có hiệu quả.

2.1.9. Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện hơn nữa cho người dân thể hiện quyền dân chủ và trách nhiệm của mình thông qua các hoạt động tự quản ở địa phương và cơ sở.

- Chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước được *Hiến pháp* quy định, song Nhà nước không thể làm hết mọi công việc trong xã hội. Hiện nay, hoạt động tự quản của người dân đang được phát huy và đã có đóng góp đáng kể vào quản lý xã hội.

- Đây là kết quả quan trọng trong việc dân chủ hóa các hoạt động kinh tế - xã hội, sự đổi mới rất cơ bản về mối quan hệ giữa Nhà nước và nhân dân trong sự nghiệp đổi mới đất nước.

- Đây cũng là nét đặc trưng cơ bản của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam - một nhà nước mang tính nhân dân sâu sắc

- Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, sự nỗ lực phấn đấu của các ngành, các cấp với sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và quyết tâm thực hiện của toàn bộ hệ thống chính trị, nhất định chúng ta sẽ xây dựng thành công Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, mang đậm nét dân tộc và nhân đạo thực sự với bao nhiêu "quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân" như Chủ tịch Hồ Chí Minh hằng mong ước.

Bài 8: PHÁT HUY SỨC MẠNH CỦA KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC TRONG XÂY DỰNG, BẢO VỆ TỔ QUỐC

1. Tầm quan trọng của đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

1.1. Cơ sở lý luận của đường lối, chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

- Sức mạnh của một cộng đồng được tạo nên bởi các thành viên trong cộng đồng đó bảo vệ, giúp đỡ, tương trợ, tôn trọng lẫn nhau, tạo điều kiện cho nhau cùng phát triển; các thành viên hy sinh lợi ích riêng vì lợi ích chung hoặc chấp nhận, tôn trọng lợi ích riêng của các thành viên khác, không để ảnh hưởng đến lợi ích chung.

- Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng ta luôn luôn xác định phát huy sức mạnh toàn dân tộc là nguồn lực chủ yếu để đấu tranh giành độc lập dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Đại hội VI của Đảng xác định: “trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng Phải quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc”, xây dựng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động”.

- Đại hội VIII khẳng định: “Chính những ý kiến, nguyện vọng và sáng kiến của nhân dân là nguồn gốc hình thành đường lối đổi mới của Đảng. Cũng do nhân dân hưởng ứng đường lối đổi mới, dũng cảm phấn đấu, vượt qua biết bao khó khăn, thử thách mà công cuộc đổi mới đạt được những thành tựu hôm nay”².

- Đại hội IX của Đảng một lần nữa nhấn mạnh: “Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức do Đảng lãnh đạo, kết hợp hài hòa các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế, của toàn xã hội”.

- Đại hội X nhấn mạnh nhiệm vụ phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đưa vấn đề phát huy sức mạnh toàn dân tộc là một trong bốn thành tố của chủ đề Đại hội; coi đó là “nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”

- Trong giai đoạn mới. Tiếp tục đường lối được xác định trong các đại hội trước, Đại hội XI khẳng định: “Đại đoàn kết toàn dân tộc phải dựa trên cơ sở giải quyết hài hòa quan hệ lợi ích giữa các thành viên trong xã hội. Đoàn kết trong Đảng là hạt nhân, là cơ sở vững chắc để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Các cấp uỷ đảng và chính quyền phải thường xuyên đối thoại, lắng nghe, học hỏi, tiếp thu ý kiến, giải quyết các khó khăn, vướng mắc của nhân dân; tin dân, tôn trọng những người có ý kiến khác; làm tốt công tác dân vận, có cơ chế, pháp luật để nhân dân bày tỏ chính kiến, nguyện vọng và thực hiện quyền làm chủ của mình”.

- Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) đã khẳng định: “*Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân...*”⁶. Đại hội XII nhấn mạnh “yêu cầu trong giai đoạn cách mạng hiện nay là phải tạo sinh lực mới của khối đại đoàn kết toàn dân tộc”.

1.2. Cơ sở thực tiễn của đường lối, chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Quan điểm phát huy sức mạnh toàn dân tộc của Đảng ta qua các kỳ đại hội được thể hiện qua các nội dung sau:

Một là, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Đại đoàn kết toàn dân tộc dựa trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng là đường lối chiến lược của cách mạng Việt

Nam; là động lực và nguồn sức mạnh to lớn, là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Hai là, đại đoàn kết là sự nghiệp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị mà hạt nhân lãnh đạo là các tổ chức đảng, được thực hiện bằng nhiều biện pháp, hình thức, trong đó các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước có ý nghĩa quan trọng hàng đầu.

Ba là, vấn đề đại đoàn kết toàn dân tộc bắt đầu từ sự đặt đúng vị trí của yếu tố lợi ích, theo quan điểm được xác định từ Nghị quyết Trung ương 8B khóa VI là: “Động lực thúc đẩy phong trào quần chúng là đáp ứng lợi ích thiết thực của nhân dân và kết hợp hài hòa các lợi ích, thống nhất quyền lợi và nghĩa vụ công dân”⁸.

Bốn là, thực hiện dân chủ và phát huy chủ nghĩa yêu nước là những yếu tố quan trọng để củng cố và phát triển khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Chủ nghĩa yêu nước luôn luôn là động lực lớn nhất của dân tộc ta trong quá trình lịch sử. Dân chủ vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng.

2. Quan điểm và phương hướng của Đảng về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.1. Quan điểm của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

- Đại hội X của Đảng xác định: “Đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, dưới sự lãnh đạo của Đảng, là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam; là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”.

- Đại hội X của Đảng xác định: “Đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, dưới sự lãnh đạo của Đảng, là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam; là nguồn

sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc".

- Và nhấn mạnh: "Đại đoàn kết là sự nghiệp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị mà hạt nhân lãnh đạo là các tổ chức đảng, được thực hiện bằng nhiều biện pháp, hình thức, trong đó các chủ trương của đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước có ý nghĩa quan trọng hàng đầu".

2.2. Phương hướng và giải pháp phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.2.1. Phát huy dân chủ XHCN dưới sự lãnh đạo của Đảng:

Từ những bài học về dân chủ được tổng kết qua 20 năm tiến hành công cuộc đổi mới và tổng kết Chỉ thị số 30 CT/T.U ngày 18-2-1998 "Về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở" của Bộ Chính trị (khóa VIII), Đại hội X của Đảng chủ trương:

- Dân chủ xã hội chủ nghĩa vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc đổi mới.

- Xây dựng một xã hội dân chủ, trong đó cán bộ, đảng viên và công chức phải thật sự là công bộc của nhân dân.

- Nhà nước không ngừng hoàn thiện hệ thống pháp luật và quản lý, tạo điều kiện để nhân dân được làm những việc mà pháp luật không cấm.

- Nhà nước và nhân dân cùng nỗ lực phấn đấu cho sự phát triển của đất nước, kết hợp hài hòa lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể và lợi ích toàn xã hội.

2.2.2. Thực hiện đồng bộ các chính sách và luật pháp của Nhà nước nhằm động viên các tầng lớp nhân dân tham gia các phong trào thi đua yêu nước

- Bảo đảm lợi ích của các giai cấp, tầng lớp xã hội và kết hợp hài hòa lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể và toàn xã hội là yếu tố quan trọng nhất để củng cố và mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, là điều kiện tiên quyết để tổ chức và động viên nhân dân tham gia các phong trào thi đua yêu nước.

- Nhà nước ta đã ban hành nhiều luật, pháp lệnh và chính sách có liên quan đến mọi lĩnh vực, đặc biệt là lĩnh vực kinh tế - xã hội. Những chính sách đó đã và đang khơi dậy, phát huy tiềm năng lao động sáng tạo của các tầng lớp nhân dân, khuyến khích mọi người thi đua làm kinh tế giỏi, thi đua làm giàu cho mình, cho cộng đồng và đất nước.

- Tuy nhiên, có những chính sách kinh tế - xã hội chưa sát với cuộc sống, phải sửa đổi luôn, thực hiện thiếu đồng bộ, không thống nhất nên chậm vào cuộc sống.

- Để khắc phục những thiếu sót nêu trên, Đại hội X của Đảng đề ra nhiệm vụ: "Thực hiện đồng bộ các chính sách và pháp luật của Nhà nước nhằm phát huy dân chủ và giữ vững kỷ cương trong xã hội. Tổ chức và động viên nhân dân tham gia các phong trào thi đua yêu nước, làm kinh tế giỏi, phát triển kinh tế đi liền với phát triển văn hóa xã hội; mỗi người, mỗi hộ đều phấn đấu làm giàu cho mình, cho cộng đồng và đất nước".

- Nhằm phát huy cao độ tính năng động, sáng tạo của mọi công dân, Đại hội đã đề ra những định hướng, chính sách lớn đối với các giai cấp và tầng lớp xã hội, trong đó lần đầu tiên đặt ở vị trí rất quan trọng việc tôn trọng và phát huy vai trò gương mẫu, dẫn dắt của những người tiêu biểu, có uy tín trong cộng đồng dân cư, các dân tộc, các tôn giáo cũng như xác định đúng mức vị trí của doanh nhân.

- Đối với giai cấp công nhân:

Đại hội X nêu rõ nhiệm vụ quan trọng và cấp bách hiện nay đối với giai cấp công nhân là: "Nâng cao giác ngộ và bản lĩnh chính trị, trình độ học vấn và nghề nghiệp, xứng đáng là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Giải quyết việc làm, giảm tối đa công nhân thiếu việc làm và thất nghiệp. Thực hiện tốt chính sách và pháp luật về lao động, tiền lương, bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hộ lao động... Có chính sách ưu đãi nhà ở đối với công nhân bậc cao. Xây dựng tổ chức, phát triển đoàn

viên công đoàn, nghiệp đoàn đều khắp ở các cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế...".

- *Đối với giai cấp nông dân:*

Xuất phát từ tình hình trên, Đại hội chủ trương: "Đối với giai cấp nông dân phát huy vai trò quan trọng trong sự nghiệp đổi mới và công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, đưa công nghệ tiên tiến vào nông nghiệp, nông thôn. Thực hiện tốt chính sách về ruộng đất. Tạo điều kiện thuận lợi để giúp nông dân chuyển sang làm công nghiệp và dịch vụ. Khuyến khích nông dân hợp tác với các doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ trương trại để phát triển sản xuất, ổn định và cải thiện đời sống. Tăng hiệu quả sử dụng đất, tiêu thụ nông sản hàng hóa. Hỗ trợ và khuyến khích nông dân học nghề, tiếp nhận và áp dụng thành tựu khoa học, công nghệ".

- *Đối với trí thức:*

Đại hội X của Đảng nhấn mạnh đến vai trò quan trọng của trí thức và đặt ra yêu cầu: "Phát huy trí tuệ và năng lực, mở rộng thông tin, phát huy dân chủ, trọng dụng nhân tài. Khuyến khích các trí thức, các nhà khoa học phát minh, sáng tạo. Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, đãi ngộ xứng đáng những cống hiến của trí thức cho công cuộc phát triển đất nước. Coi trọng vai trò tư vấn, phản biện của các hội khoa học kỹ thuật, khoa học xã hội và văn học, nghệ thuật đối với các dự án phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội".

- *Đối với doanh nhân:* Chủ trương phát triển mạnh các thành phần kinh tế, các loại hình tổ chức kinh doanh, đã và đang tạo ra một tầng lớp doanh nhân ngày càng đông đảo, năng động, sáng tạo và giữ vai trò ngày càng quan trọng trong công cuộc công nghiệp hóa - hiện đại hóa.

Đại hội X của Đảng đặt doanh nhân lên vị trí thứ tư sau công, nông, trí và chủ trương: "tạo điều kiện phát huy tiềm năng và vai trò tích cực trong phát triển sản xuất, kinh doanh; mở rộng đầu tư trong nước và ở nước ngoài; giải quyết việc

làm cho người lao động; nâng cao chất lượng sản phẩm; tạo dựng và giữ gìn thương hiệu hàng hóa Việt Nam".

- *Đối với thế hệ trẻ:* Thế hệ trẻ Việt Nam chiếm 60% dân số. Đây là lực lượng lao động chủ yếu đang và sẽ thực hiện quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước.

Từ thực tiễn đó, Đại hội chủ trương: "thường xuyên giáo dục chính trị, truyền thống, lý tưởng, đạo đức và lối sống; tạo điều kiện học tập, lao động, giải trí, phát triển thể lực, trí tuệ... khuyến khích thanh niên tự học, tự nâng cao tay nghề, tự tạo việc làm... Tạo cơ hội cho thanh niên có tài năng đi học ở nước ngoài về phục vụ đất nước".

- *Đối với phụ nữ:*

Đại hội chủ trương: "Nâng cao trình độ mọi mặt và đời sống vật chất, tinh thần, thực hiện bình đẳng giới. Tạo điều kiện để phụ nữ thực hiện tốt vai trò người công dân, người lao động, người mẹ, người thầy đầu tiên của con người. Bồi dưỡng, đào tạo để phụ nữ tham gia ngày càng nhiều vào các hoạt động xã hội, các cơ quan lãnh đạo và quản lý ở các cấp. Chăm sóc và bảo vệ sức khỏe bà mẹ, trẻ em..."

- *Đối với cựu chiến binh:* Đây là lớp người đã được tôi luyện trong quá trình chiến tranh ác liệt, trung thành với Đảng và chế độ, giữ vững truyền thống và bản chất "Bộ đội Cụ Hồ". Trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới, tình hình trong nước, đã xuất hiện những tâm trạng khác nhau trong một số cựu chiến binh.

Đại hội X của Đảng yêu cầu: "Phát huy truyền thống "Bộ đội Cụ Hồ", tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Đảng, chính quyền và chế độ xã hội chủ nghĩa. Động viên cựu chiến binh giúp nhau cải thiện đời sống, xóa đói giảm nghèo, góp phần giáo dục lòng yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng cho thế hệ trẻ..."

- *Đối với người cao tuổi*: Hiện chiếm 10% dân số. Một bộ phận người cao tuổi là lão thành cách mạng, Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, người có công với nước, trí thức đầu đàn, nghệ nhân có tay nghề cao, cán bộ về hưu.

Đại hội đề ra nhiệm vụ: "Đối với người cao tuổi, chăm sóc sức khỏe, tạo điều kiện để hưởng thụ văn hóa, được thông tin, sống vui, sống khỏe, sống hạnh phúc. Phát huy trí tuệ, kinh nghiệm sống, lao động, chiến đấu của người cao tuổi trong xã hội và gia đình. Xây dựng gia đình "ông bà, cha mẹ mẫu mực, cháu con hiếu thảo. Giúp đỡ người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa vượt qua khó khăn trong cuộc sống".

- *Đối với về vấn đề dân tộc và đoàn kết các dân tộc*:

Nước ta là một quốc gia đa dân tộc. Các dân tộc ở nước ta có truyền thống đoàn kết được hình thành trong quá trình dựng nước và giữ nước.

Các dân tộc thiểu số có quy mô dân số và trình độ phát triển kinh tế - xã hội không đồng đều, có bản sắc văn hóa riêng, cư trú trên một địa bàn rộng lớn, có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về chính trị, kinh tế, an ninh, quốc phòng và bảo vệ môi trường sinh thái.

Đại hội X khẳng định: "Vấn đề dân tộc và đoàn kết các dân tộc có vị trí chiến lược lâu dài trong sự nghiệp cách mạng nước ta. Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ, cùng nhau thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Phát triển kinh tế, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, xóa đói giảm nghèo, nâng cao trình độ dân trí, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa, tiếng nói, chữ viết và truyền thống tốt đẹp của các dân tộc...".

- *Đối với vấn đề tôn giáo*

Đại hội X của Đảng chủ trương: "Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo tôn giáo của công dân,

quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo pháp luật. Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau, đồng bào theo tôn giáo và không theo tôn giáo. Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo. Động viên, giúp đỡ đồng bào theo đạo và các chức sắc tôn giáo sống "tốt đời, đẹp đạo"... Đấu tranh ngăn chặn các hoạt động mê tín, dị đoan, các hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo làm phương hại đến lợi ích chung của đất nước, vi phạm quyền tự do tôn giáo của công dân".

- Đối với đồng bào định cư ở nước ngoài:

Hiện nay nước ta có khoảng gần ba triệu người đang sinh sống và làm ăn ở khoảng 80 nước trên thế giới. Đồng bào ra đi với những lý do khác nhau và trong nhiều hoàn cảnh không giống nhau. Đây là một bộ phận không thể tách rời và là một nguồn lực của cộng đồng dân tộc Việt Nam, là nhân tố quan trọng góp phần tăng cường quan hệ hợp tác, hữu nghị giữa nhân dân ta với nhân dân các nước.

Với những lý do trên, Đại hội X của Đảng xác định: "Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ đồng bào ổn định cuộc sống, chấp hành tốt pháp luật các nước sở tại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của đồng bào. Làm tốt công tác thông tin trong cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài về tình hình trong nước và các chủ trương, chính sách của Nhà nước. Có chính sách khuyến khích người Việt Nam, trí thức Việt Nam ở nước ngoài hướng về quê hương, góp phần xây dựng đất nước; khen thưởng những người có nhiều thành tích đóng góp cho Tổ quốc".

2.2.3. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân

- Đại đoàn kết toàn dân tộc trong Mặt trận dân tộc thống nhất là sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong đường lối cách mạng của Đảng, là truyền thống quý báu và là bài học lớn của cách mạng nước ta.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (bao gồm các đoàn thể nhân dân là thành viên) ngày nay là một bộ phận quan trọng của hệ thống chính trị nước Cộng hòa

Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân, nơi thể hiện ý chí, nguyện vọng, tập hợp khối đại đoàn kết toàn dân, nơi phát huy quyền làm chủ của nhân dân, vận động nhân dân thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, nghiêm chỉnh thi hành hiến pháp, pháp luật; giám sát hoạt động của cơ quan Nhà nước, đại biểu dân cử và cán bộ, công chức Nhà nước; tập hợp ý kiến, kiến nghị của nhân dân để phản ánh, kiến nghị với Đảng và Nhà nước; tham gia xây dựng và củng cố chính quyền nhân dân; cùng Nhà nước chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân...

- Để phát huy vai trò quan trọng của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, Đại hội X nêu rõ: "Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân có vai trò rất quan trọng trong việc tập hợp, vận động, đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân; đại diện cho quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân; đưa các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, các chương trình kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh vào cuộc sống, góp phần xây dựng sự đồng thuận trong xã hội".

- Đại hội yêu cầu: "Nhà nước ban hành cơ chế để Mặt trận và các đoàn thể nhân dân thực hiện tốt vai trò giám sát và phản biện xã hội. Các cấp ủy Đảng và các cấp chính quyền có chế độ tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với nhân dân; thường xuyên lắng nghe ý kiến của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân phản ánh với Đảng, Nhà nước những vấn đề mà nhân dân quan tâm... Thực hiện tốt Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Quy chế dân chủ ở mọi cấp để Mặt trận, các đoàn thể và các tầng lớp nhân dân tham gia xây dựng Đảng, chính quyền và hệ thống chính trị".

- Với tình hình quốc tế và trong nước hiện nay đường lối chiến lược tăng cường phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc đang trở thành nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng và cấp bách của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta.

Bài 9: TU DƯỠNG, RÈN LUYỆN ĐỂ TRỞ THÀNH NGƯỜI CÔNG DÂN TỐT, NGƯỜI LAO ĐỘNG TỐT

1. Quan niệm về người công dân tốt, người lao động tốt

1.1. Người công dân tốt

Công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là người có quốc tịch Việt Nam. Người công dân tốt là người thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân do Hiến pháp và pháp luật quy định.

- Thực hiện tốt quyền của công dân:

Quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận, kiên nghị các vấn đề chung của cả nước và địa phương. Công dân đủ mười tám tuổi trở lên có quyền bầu cử, đủ 21 tuổi trở lên đều có quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật.

Lao động là quyền và nghĩa vụ của công dân. Công dân có quyền tự do kinh doanh theo quy định của pháp luật; quyền sở hữu về thu nhập hợp pháp, của cải để dành, nhà ở, tư liệu sinh hoạt, tư liệu sản xuất; quyền xây dựng, thuê nhà ở theo quy hoạch và pháp luật.

Học tập là quyền và nghĩa vụ của công dân. Công dân có quyền nghiên cứu khoa học, phát minh, sáng chế; được hưởng chế độ bảo vệ sức khoẻ.

Công dân nữ và nam có quyền ngang nhau về mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và gia đình. Hôn nhân theo nguyên tắc tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng. Cha mẹ có trách nhiệm nuôi dạy con thành những công dân tốt. Con cháu có bổn phận kính trọng và chăm sóc ông bà, cha mẹ. Trẻ em được gia đình, Nhà nước và xã hội bảo vệ, chăm sóc và giáo dục.

Thanh niên được gia đình, Nhà nước và xã hội tạo điều kiện học tập, lao động và giải trí, phát triển thể lực, trí tuệ, bồi dưỡng về đạo đức, truyền thống dân tộc, ý thức công dân và lý tưởng xã hội chủ nghĩa, đi đầu trong công cuộc lao động sáng tạo và bảo vệ Tổ quốc.

Thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ, người và gia đình có công với nước được hưởng các chính sách ưu đãi của Nhà nước. Người già, người tàn tật, trẻ mồ côi không nơi nương tựa được Nhà nước và xã hội giúp đỡ.

Công dân có quyền tự do đi lại và cư trú ở trong nước, có quyền ra nước ngoài và từ nước ngoài về nước theo quy định của pháp luật. Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, có quyền được thông tin; có quyền hội họp, lập hội, biểu tình theo quy định của pháp luật. Công dân có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào.

Công dân có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; có quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở. Thư tín, điện thoại, điện tín của công dân được bảo đảm an toàn và bí mật.

Công dân có quyền khiếu nại, quyền tố cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về những việc làm trái pháp luật của cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, xã hội hoặc bất cứ cá nhân nào.

- Thực hiện tốt nghĩa vụ chủ yếu của công dân:
- + Công dân phải trung thành với Tổ quốc.
- + Công dân phải làm nghĩa vụ quân sự và tham gia xây dựng quốc phòng toàn dân.
- + Công dân có nghĩa vụ tôn trọng và bảo vệ tài sản của Nhà nước và lợi ích công cộng.
- + Công dân có nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp và pháp luật, tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, giữ gìn bí mật quốc gia.
- + Công dân phải chấp hành những quy tắc sinh hoạt công cộng; có nghĩa vụ thực hiện các quy định về vệ sinh phòng bệnh và vệ sinh công cộng.
- + Công dân có nghĩa vụ đóng thuế và lao động công ích theo quy định của pháp luật.

1.2. Người lao động tốt

1.2.1. Là người công dân tốt đang ở độ tuổi lao động

Lao động là hoạt động quan trọng nhất của con người, tạo ra của cải vật chất và các giá trị tinh thần của xã hội.

Về độ tuổi lao động, Bộ luật Lao động hiện hành quy định đủ 18 tuổi đến đủ 60 tuổi đối với nam, đủ 55 tuổi đối với nữ. Luật Lao động quy định: lao động chưa thành niên là người lao động đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi; người lao động cao tuổi là người lao động nam trên 60 tuổi, nữ trên 55 tuổi.

1.2.2. Lao động có kỷ luật, kỹ thuật, có năng suất, chất lượng, hiệu quả cao.

Kỷ luật lao động là những quy định về việc tuân theo thời gian, công nghệ và điều hành sản xuất, kinh doanh thể hiện trong nội quy lao động.

Việc chấp hành tốt kỷ luật lao động là yêu cầu cơ bản, đầu tiên, là bản chất của người lao động thời đại mới. Người lao động vô kỷ luật sẽ ảnh hưởng đến người khác, đến tập thể và xã hội; ảnh hưởng tới hiệu quả sản xuất kinh doanh, hoặc gây ra những thiệt hại về vật chất, tài sản...

Lao động có kỷ luật thể hiện ở việc chấp hành tốt nội quy lao động, chủ yếu là tuân theo thời gian làm việc và nghỉ ngơi, trật tự, an toàn, vệ sinh lao động ở nơi làm việc, bảo vệ tài sản và bí mật công nghệ, kinh doanh...

Người lao động phải nắm được các thao tác và sử dụng thành thạo các phương tiện, máy móc theo đúng kỹ thuật, phục vụ cho lợi ích của con người và xã hội.

Người lao động kỹ thuật tốt sẽ tiết kiệm công sức, thì giờ, kinh phí, tạo ra sản phẩm có chất lượng, tăng năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm; từ đó nâng cao khả năng cạnh tranh sản phẩm trên thị trường.

Lao động có kỹ thuật là tiêu chí đánh giá trình độ tay nghề, là nhân tố quyết định nâng cao thu nhập cho người lao động, tạo ra nhiều của cải có chất lượng cho xã hội.

2. Nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt

2.1. Phát huy truyền thống yêu nước, trung thành với sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam phát huy tinh thần yêu nước trong giai đoạn hiện nay

2.1.1. Tích cực quán triệt các chủ trương, đường lối của Đảng về xây dựng và phát triển tinh thần yêu nước của người Việt Nam trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

- Cần xác định tầm quan trọng của việc đẩy mạnh tinh thần yêu nước; cụ thể hóa thành các chính sách, phong trào phát triển tinh thần yêu nước đem lại hiệu quả cụ thể, thiết thực.

- Việc tuyên truyền, giáo dục tinh thần yêu nước; phát triển các phong trào thi đua yêu nước luôn được Đảng yêu cầu qua các kỳ Đại hội Đảng; tiếp tục được phát triển trong các văn kiện Đại hội XII của Đảng.

- Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước yêu cầu: xây dựng lòng yêu nước, với mục tiêu “đề cao tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc, lương tâm, trách nhiệm của mỗi người với bản thân mình, với gia đình, cộng đồng, xã hội và đất nước” và nhiệm vụ “Chăm lo xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, trọng tâm là bồi dưỡng tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, đạo đức, lối sống và nhân cách”.

- Việc phát huy tinh thần yêu nước cũng cần được coi là nhiệm vụ của từng cấp ủy, chính quyền các đơn vị, địa phương. Yêu nước trở thành động cơ trước hết để gắn kết toàn thể dân tộc Việt Nam. Yêu nước đồng nghĩa yêu đồng bào, và ở mức cao hơn, gắn bó với bảo vệ chế độ chính trị, sự nghiệp cách mạng của toàn dân tộc. Cần thực hiện hiệu quả tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng tinh thần yêu nước nhằm xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân.

2.1.2. Xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

- Nhà nước cần bảo đảm phát triển mọi lợi ích chính đáng của nhân dân, để nhân dân có cơ hội thể hiện lòng yêu nước; đồng thời có những chế tài nghiêm trị những hành vi hại nước, hại dân.

- Nhà nước, với các công cụ pháp lý hiệu quả, bảo đảm đường lối, chính sách về phát triển đất nước, nhất là trong kinh tế, được thực hiện hiệu quả, minh bạch, kỷ cương; tạo điều kiện để bảo vệ và phát huy văn hóa dân tộc...

- Nhà nước cần bảo đảm mọi điều kiện để phát triển tinh thần yêu nước thực sự trở thành một sức mạnh quốc gia, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế sâu rộng; bảo đảm các giá trị của tinh thần yêu nước khi đi vào các lĩnh vực của đời sống xã hội sẽ trở thành các giá trị quốc gia, gồm cả các giá trị về văn hóa, đối ngoại, có thể chuyển hóa thành các giá trị về kinh tế, quốc phòng - an ninh.

2.1.3. Công tác tư tưởng của Đảng, Nhà nước cần thúc đẩy, lan tỏa giá trị của tinh thần yêu nước trong toàn xã hội.

- Công tác tư tưởng cần thấu triệt trong nhân dân các nội dung: yêu nước, trước hết là yêu đồng bào, cái gì có lợi cho nhân dân thì phải ra sức làm; mỗi người dân Việt Nam đều phải phát huy tinh thần yêu nước của bản thân, thúc đẩy tinh thần yêu nước của cộng đồng.

- Đối với doanh nghiệp, đó không chỉ là những hành động, như nộp nghĩa vụ thuế, làm công tác từ thiện,... mà còn phải là đặt lợi ích của người tiêu dùng làm mục tiêu phát triển; đồng thời, đặt mình trong guồng máy chung của nền kinh tế đất nước, tạo thương hiệu quốc gia, sẵn sàng chia sẻ những khó khăn, thử thách, vận hội với đất nước.

- Đối với nhân dân, đó là tình làng nghĩa xóm, lối sống nhân nghĩa, ưu tiên sử dụng các sản phẩm trong nước... Đối với đội ngũ cán bộ, công chức đó là ý thức trách nhiệm với công việc, hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc...

- Để làm được điều này, đòi hỏi sự vào cuộc của toàn hệ thống chính trị trong thực hiện công tác tư tưởng thời kỳ hội nhập quốc tế. Công tác tư tưởng không chỉ dừng lại ở kêu gọi lòng yêu nước, mà quan trọng là phải hướng dẫn lòng yêu nước, chỉ dẫn các hành vi yêu nước đúng đắn, thông qua tuyên truyền, bồi dưỡng, phát triển các nhân tố mới, điển hình.

2.1.4. Xây dựng tinh thần yêu nước là nội dung quan trọng của sự nghiệp giáo dục.

- Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về *đổi mới căn bản giáo dục và đào tạo*, trong đó có mục tiêu “Giáo dục con người Việt Nam... yêu gia đình, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào; sống tốt và làm việc hiệu quả”.

- Trong đổi mới giáo dục, bên cạnh việc nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, thì nội dung quan trọng cần thường xuyên được thực hiện là giáo dục tinh thần yêu nước để nhân lực, nhân tài được đào tạo ra sẽ phục vụ cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc.

- Cần giáo dục con người Việt Nam từ thuở nhỏ đã thấm nhuần 5 điều Bác Hồ dạy, mà trước tiên là “Yêu Tổ quốc, yêu đồng bào” để từ đó mới có ý chí học tập, lao động, xây dựng các phẩm chất tốt đẹp khác nhằm phục vụ đồng bào, Tổ quốc.

- Giáo dục tinh thần yêu nước cũng phải xuyên suốt và thấm đẫm trong tất cả giai đoạn của cuộc đời con người. Giáo dục tinh thần yêu nước là trách nhiệm của nền giáo dục, của toàn xã hội, là nội dung quan trọng trong xã hội học tập.

2.1.5. Phát triển các phong trào thi đua yêu nước trên tất cả các lĩnh vực của đời sống.

- Từ lao động, sản xuất, học tập, chiến đấu, phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân,... đến ưu tiên sử dụng hàng hóa được sản xuất trong nước, các việc thiện nguyện, các hoạt động bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường...

- Yêu nước là giữ gìn hình ảnh đất nước trong con mắt bạn bè quốc tế; xây dựng và phát huy tự hào dân tộc; xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân. Cần lấy tinh thần yêu nước là điểm chung trước hết để xây nên khối đại đoàn kết dân tộc.

- Yêu nước cần được xác định là “nghĩa lớn”, để vượt qua các “lợi nhỏ” của cá nhân và nhóm xã hội.

- Thông qua các hoạt động thực tiễn hiệu quả, mà nền tảng được xây dựng bởi lòng yêu nước, phát huy tinh thần yêu nước trong giai đoạn hiện nay trở thành một nhân tố của sức mạnh quốc gia thời kỳ hội nhập quốc tế. Khi trở thành sức mạnh quốc gia thì tinh thần yêu nước đem đến những giá trị vô cùng to lớn, có thể thành lợi thế so sánh trên trường quốc tế, giống như cha ông ta đã làm được trong suốt chiều dài lịch sử dân tộc./.

2.2. Phần đấu học tập nâng cao năng lực và rèn luyện phẩm chất cá nhân

- Công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế; phát triển kinh tế tri thức, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tạo ra nhiều ngành nghề mới, đặt ra yêu cầu bức thiết về nguồn nhân lực chất lượng cao; có kiến thức chuyên môn, kỹ thuật, kỹ luật, kinh nghiệm, kỹ năng lao động...

- Những kiến thức, kỹ năng thực hành không thể có ngay mà là quá trình hình thành và phát triển trong học tập, rèn luyện ở nhà trường và sau khi ra trường. Người học sinh trung học chuyên nghiệp có những tiêu chí tu dưỡng rèn luyện để phấn đấu để trở thành người công dân tốt. Cụ thể:

- Thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ công dân:

Thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của người công dân như đã nêu ở trên.

Hiện tại trong việc học tập và rèn luyện cần nhận thức rõ quyền và nghĩa vụ cụ thể của người học sinh khi đến lớp, khi tự nghiên cứu, khi ở trường, ở ngoài xã hội.

Mỗi học sinh phải cố gắng vì sự phát triển của bản thân, vì gia đình, vì tập thể, vì xã hội, phấn đấu trở thành người công dân có ích cho đất nước.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Giáo trình chính trị (Dùng trong các trường trung học chuyên nghiệp), 2008, NXB Giáo dục.
- [2]. Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, 2011, NXB Chính trị Quốc gia .
- [3].Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác- Lênin, 2011, NXB Chính trị Quốc gia.
- [4]. Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, 2011,NXB Chính trị Quốc gia
- [5]. Ghi chú và giải thích (nếu có):

